

## 17+ MẪU PHÂN TÍCH KHỔ 2 BÀI THƠ TÂY TIẾN CỦA QUANG DŨNG

### *Phân tích Tây Tiến khổ 2 - Mẫu 1*

Bài thơ Tây Tiến của nhà thơ Quang Dũng có thể nói là một trong những bài thơ thành công nhất về đề tài người lính. Toàn bài đã in đậm dấu ấn tài hoa, lãng mạn, phóng khoáng của hồn thơ Quang Dũng. Với tài năng và tâm hồn ấy, nhà thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến mang một vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng trên nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, tráng lệ. Bài thơ này giống như miền ký ức của tác giả về binh đoàn Tây Tiến. Không chỉ có những ngày tháng gian khó với đèo cao, thác dữ, mưa rừng, thú dữ, sương mù, mà trong miền ký ức của nhà thơ còn có cả ánh sáng của những đêm liên hoan tung bồng và cảnh sắc buổi chiều êm ả, mộng lung nơi núi rừng Tây Bắc. Tất cả những điều đó đã được Quang Dũng tái hiện thành công qua khổ thơ thứ hai của bài.

Bốn câu thơ đầu tiên như một ra thế giới khác biệt nơi miền Tây:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu, nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

Hình ảnh “đuốc hoa” được hiểu là cây nến thắp lên trong phòng tối đêm tân hôn, nhưng ở trong câu thơ đầu, “đuốc hoa” ấy lại mang nghĩa là ánh sáng của đêm liên hoan. Dù hiểu theo nét nghĩa nào, nó vẫn tạo ra không khí ấm cúng, gọi lên niềm vui, niềm hạnh phúc của những chiến sĩ. Từ “bừng” ở đây vừa là ánh sáng của đuốc hoa, ánh sáng của lửa trại, vừa là màn cất giọng của những tiếng khen, tiếng hát, tiếng cười nói rộn rã của mọi người. Từ “bừng” ấy ta đã từng bắt gặp trong thơ của Tố Hữu, khi người thanh niên trẻ đã giác ngộ lí tưởng Đảng:

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*

Điểm chung của sự “bừng” của Quang Dũng và Tố Hữu là trước nó mang một màu u tối, và sau nó là ánh sáng ngập tràn. Có thể hình dung đêm hội mà Quang Dũng đang kể lại trong bốn câu thơ này giống như một đám cưới tập thể. Từ “kìa em” ở câu thơ thứ hai thể hiện được sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của những chàng lính Tây

Tiến trước vẻ đẹp của những cô gái vùng cao trong trang phục “xiêm áo” lộng lẫy, kiêu sa cùng dáng vẻ “e ấp” đậm chất thiếu nữ. Nhà thơ đã phát hiện ra vẻ đẹp tỏa sáng của cô gái bằng cả niềm yêu, sự say đắm đến cảm phục từ vóc dáng cho đến trang phục. Chính trang phục truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa của các thiếu nữ Tây Bắc càng tôn vinh lên vẻ đẹp của họ. Vẻ đẹp ấy đã khiến nhà thơ phải thán phục đến ngạc nhiên. Hình ảnh “em” trở thành hạt nhân của cả bức tranh đêm hội với vẻ đẹp xứ lạ phương xa. Có thể nói, bốn câu thơ đầu của khổ hai đã xua tan đi cảm giác mệt mỏi, đẩy lùi những vất vả, gian khó của những người chiến sĩ. Thay vào đó là niềm lạc quan, yêu đời nâng bước họ mạnh mẽ hơn trên con đường hướng về Viên Chăn xây hồn thơ. Từ đó, người đọc cảm nhận được rằng dù trong những phút giây vui vẻ, những người chiến sĩ vẫn hướng về lí tưởng cách mạng cao cả.

Nếu ở bốn câu thơ trước là khung cảnh đêm đuốc hoa, thì ở bốn câu thơ sau là khung cảnh thiên nhiên Tây Bắc trong buổi chiều sương:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có thấy dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc được hiện ra theo chiều hướng nhẹ hóa. Cái dữ dội, khốc liệt của thác dữ bị đẩy lùi đi, thay vào đó là những hình ảnh nhẹ nhàng và thơ mộng. Hình ảnh “chiều sương” đã cho người đọc thấy được nét đặc trưng vốn có ở nơi đây. “Chiều sương ấy” dường như là một điều gì đó mơ hồ, không thực, nhưng nó lại gợi lên màu sắc bàng lảng, mờ ảo mà mang đậm nỗi buồn man mác. Đại từ “ấy” làm rõ nghĩa cho hình ảnh “chiều sương”, nó thật đặc biệt đến nỗi trở thành kỉ niệm khiến lòng người băng khuâng.

Đoạn thơ này mang đậm màu sắc của hội họa. Cái thực của khí trời Tây Bắc, kết hợp với cái mờ ảo của sương khói đã tạo nên một miền cổ tích riêng biệt. Có lẽ, chất họa sĩ của Quang Dũng đã ăn vào thơ ở đoạn này. Chỉ với một vài nét chấm phá, nhà thơ đã làm cho cái hồn của cảnh vật và con người được hiện lên một cách sinh động và cuốn hút. Hình ảnh cây lau trong câu thơ thứ ba dường như không còn chỉ là cây lau vô tri vô giác nữa, mà nó có linh hồn của riêng mình – “hồn lau”.

“Hồn lau” gợi cảm giác hoang vắng, tĩnh lặng, giàu chất thơ sâu lắng, vừa có chút gì đó ma mị của bức tranh thiên nhiên.

Giữa không gian thiên nhiên nên thơ của vùng núi rừng Tây Bắc, hình ảnh con người hiện ra với vẻ đẹp khỏe khoắn, bất khuất, kiên cường:

### *Có nhớ dáng người trên độc mộc*

Điệp ngữ “có thấy – có nhớ” luyến láy như chạm khắc vào lòng người một nỗi nhớ da diết, cháy bỏng khôn nguôi. Dáng người ấy có thể là hình ảnh uyển chuyển, mềm mại của những cô gái bản địa đưa các chiến sĩ vượt sông, cũng có thể là hình ảnh của những người lính Tây Tiến chèo chống con thuyền để vượt sông, vượt thác dữ tiến về phía trước. Tất cả những hình ảnh ấy để lại cho nhà thơ những ấn tượng khó phai nhòa.

Từ láy “đong đưa” được sử dụng rất gợi cảm ở câu thơ cuối:

### *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Cánh hoa rừng như đang quyến luyến con người, nó như bàn tay vẫy chào người lính, tiễn họ vượt sông đi đánh giặc. Đoạn thơ đã để lại dấu ấn đẹp đẽ về thơ ca kháng chiến mà thành công nhất là sự kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, bên cạnh các yếu tố nghệ thuật.

Có thể nói, với ngôn ngữ mộc mạc, giản dị mà đậm chất lãng mạn, hào hoa, Quang Dũng đã tái hiện lại khung cảnh, con người trong đêm liên hoan nơi doanh trại và cả khung cảnh chiều sương nơi rừng núi Tây Bắc. Với từng nét vẽ mềm mại, uyển chuyển, nhà thơ đã vẽ nên một thế giới của cái đẹp. Đây cũng là đoạn thơ bộc lộ rõ nhất sự tài hoa, lãng mạn của Quang Dũng trong cả bài thơ.

### *Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 2*

Quang Dũng vốn là lính của đơn vị Tây Tiến, một đơn vị có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào để giải phóng và bảo vệ miền biên cương phía Tây Tổ quốc. Sau đó Quang Dũng chuyển đơn vị công tác. Năm 1948, một lần ngồi ở làng Phù Lưu Chanh (một địa danh cũ thuộc tỉnh Hà Đông), nhớ lại những kỉ niệm về đoàn quân Tây Tiến, tác giả cảm xúc viết lên bài thơ tuyệt bút – Tây Tiến. Tây Tiến không chỉ là bài thơ hay nổi tiếng của Quang Dũng nói riêng, của thơ ca kháng chiến chống

Pháp nói chung mà còn là một trong những tác phẩm tiêu biểu viết về đề tài người lính, vẻ đẹp lãng mạn và tinh thần bi tráng được thể hiện qua thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng người lính là hai nét đặc sắc trong cảm hứng và bút pháp nghệ thuật của Tây Tiến. Đoạn thơ sau viết về những kỉ niệm tình quân dân đầy thi vị và vẻ đẹp thơ mộng của sông nước Tây Bắc bằng những nét vẽ tinh tế mềm mại:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Từ “bừng” trong câu thơ đầu tiên của đoạn thơ đã gọi cho ta cảm giác đột ngột. Đó là sự “bừng” sáng của hội đuốc hoa, của lửa trại hay sự tung bừng rộn rã của tiếng khèn, tiếng hát? “Đuốc hoa” vốn là một từ cổ để chỉ cây nến đốt lên trong phòng cưới đêm tân hôn “Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng Mai xưa”. Hình ảnh này xuất hiện trong đêm vui liên hoan của người lính đã tạo nên một màu sắc vừa cổ kính vừa hiện đại, vừa thiêng liêng vừa ấm áp tình keo sơn quân dân gắn bó.

Đây là đoạn thơ bộc lộ rất rõ nét tài hoa của ngòi bút Quang Dũng. Hồn thơ lãng mạn của ông bị hấp dẫn trước những vẻ đẹp mang màu sắc bí ẩn của con người và cảnh vật nơi xứ lạ. Vì thế, cảnh là cảnh trong hoài niệm vậy mà lời thơ lại cho ta cảm giác đó là cảnh đang diễn ra ngay trước mắt. Và nhà thơ như đang nói với người vũ nữ “Kìa em xiêm áo tự bao giờ!” – một giọng thơ thật triu mến, thích thú, vui sướng! Vui sướng đến ngạc nhiên ngỡ ngàng trước vẻ đẹp vừa e thẹn, vừa tình tứ (nàng e ấp) với bộ xiêm y lộng lẫy trong một vũ điệu mang đậm màu sắc xứ lạ (man điệu). Chỉ bằng 4 câu thơ mà Quang Dũng đã dựng được một bức tranh vừa phong phú về màu sắc đường nét, vừa đa dạng về âm thanh.

Nếu khung cảnh đêm liên hoan văn nghệ trong những câu thơ trên đem đến cho người đọc không khí mê say ngây ngất thì cảnh sông nước Tây Bắc lại gọi lên được cảm giác mênh mang, hoang dại, tĩnh lặng và mờ ảo thật chứa chan thi vị. Ở đây một lần nữa càng khẳng định rõ hơn nét tài hoa, lãng mạn, giấc mộng mơ của

người lính. Thiên nhiên ở nơi chốn chỉ có “Núi sương giăng, đèo mây phủ” khi cảnh chiều về vốn đã mờ ảo lại càng mờ ảo thêm khi có lớp sương mờ bảng lảng choàng thêm một tấm áo như thực như mơ. Qua hoài niệm, khung cảnh Tây Bắc như hiện về trong kí ức của tác giả làm cho giọng thơ của tác giả cất lên như lời tự hỏi “có nhớ? có thấy?” day dứt càng gợi cảm giác băng khuâng xa vắng, đầy lưu luyến. Con người tài hoa và lãng mạn ấy thấy bạt ngàn hồn lau trong gió trong cây như xôn xao một nỗi niềm:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*

Hình ảnh này chúng ta đã từng gặp trong thơ của Chế Lan Viên:

*Ai đi biên giới cho lòng ta theo với  
Thăm ngàn lau chỉ trắng có một mình  
Bạt ngàn trắng ở tận cùng bờ cõi  
Suốt một đời cùng với gió giao tranh  
(Lau biên giới)*

Hay những câu thơ viết về hồn lau trong gió gợi cảm giác về cảnh buồn vắng lặng tò như thời tiền sử huyền thoại của thi sĩ kiêm họa sĩ Hoàng Hữu:

*Trường vắng mưa mờ buông dốc xa  
Dày leo nửa mái sắc rêu nhòa  
Người xa phơ phất hồn lau gió  
Thổi trắng chân đồi như khói pha  
(Hoa lau trường cũ)*

Trong khung cảnh sông nước, chiều sương mang đậm màu sắc cổ kính huyền thoại ấy hiện lên hình ảnh con thuyền độc mộc với cái dáng mềm mại của cô gái và bông hoa trôi theo dòng nước lũ:

*Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Câu nói của người xưa: “Thi trung hữu họa” thật đúng với trường hợp này. Ngòi bút tinh tế của Quang Dũng chỉ phác họa một vài nét mà không chỉ gợi được cái “hồn” của ngàn lau mà còn cả cái dáng rất tạo hình của cô gái lái đò người Mèo, người Thái, cái dáng ngả nghiêng rất tinh tú “đong đưa” chứ không phải “đung

đưa” của những bông hoa rừng như muốn làm duyên bên dòng nước lũ. Hai từ “thấy” và “nhớ” được tác giả dùng trong hai câu thơ trên cũng khá tinh tế. Đường như cái hồn thiêng của bông hoa lau đã in hình rõ nét trong mắt tác giả còn cái dáng mềm mại thon thả của cô lái đò cùng bông hoa rừng đong đưa lại khắc sâu vào tâm trí nhà thơ vốn giàu tình yêu cảnh đẹp non sông đất nước này. Không có một tâm hồn nhạy cảm tài hoa thì không thể bắt rất nhạy những hình ảnh giàu hình sắc của hoa như thế.

Bốn câu thơ như một bức tranh thủy mặc với những nét vẽ chấm phá, tinh tế, mềm mại, tài hoa đã truyền được cái hồn của cảnh vật. Hơn thế, đọc đoạn thơ này lên, người đọc có cảm giác đoạn thơ không chỉ được khắc, được phổ vào những nốt nhạc tinh tế mà nhạc điệu đó còn được cất lên từ một tâm hồn say đắm với cảnh và người miền Tây Tổ quốc của người lính Tây Tiến. Cho nên rất có lí khi Xuân Diệu nhận xét “Đọc bài thơ Tây Tiến ta có cảm giác như ngậm âm nhạc trong miệng”.

Đoạn thơ thể hiện bút pháp tài hoa của tác giả. Qua đó, người đọc thấy cảnh đêm liên hoan văn nghệ, cái sông nước Tây Bắc mang vẻ đẹp hiện thực lãng mạn mà huyền ảo với từng vần thơ vừa giàu chất nhạc vừa giàu chất họa. Đó cũng chính là sự kết hợp hài hòa tuyệt diệu giữa ba yếu tố: thơ, nhạc, họa trong thi phẩm của Quang Dũng.

### *Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 3*

Tây Tiến là bài hát của tình thương mến, là khúc ca chiến trận của anh Vệ quốc quân năm xưa, những anh hùng buổi đầu kháng chiến “Áo vải chân không đi lùng giặc đánh” (Nhớ — Hồng Nguyên), những tráng sĩ ra trận với lời thề “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”.

Quang Dũng viết bài thơ Tây Tiến vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh, bên bờ sông Đáy thương yêu: “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc — Sáo diều khuya khoát thổi đèn trăng” (Đôi mắt người Sơn Tây - 1949). Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập vào năm 1947, hoạt động và chiến đấu ở thượng nguồn sông Mã, miền Tây Hòa Bình, Thanh Hóa sang sầm Nưa, trên dải biên cương Việt — Lào. Quang Dũng là một đại đội trưởng trong đoàn binh Tây Tiến, đồng đội anh nhiều người là những chàng trai Hà Nội yêu nước, dũng cảm, hào hoa. Bài thơ Tây Tiến nói lên

nỗi nhớ của tác giả sau một thời gian xa rời đơn vị: “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! - Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...”.

Bài thơ gồm có bốn phần. Phần đầu nói về nỗi nhớ, nhớ sông Mã, nhớ núi rừng miền Tây, nhớ đoàn binh Tây Tiến với những nẻo đường hành quân chiến đấu vô cùng gian khổ... Đoạn thơ trên đây gồm có 16 câu thơ, là phần hai và phần ba của bài thơ ghi lại những kỉ niệm đẹp một thời gian khổ, những hình ảnh đầy tự hào về đồng đội thân yêu.

Ở phần đầu, sau hình ảnh “Anh bạn dãi dầu không bước nữa - Gục lên súng mũ bỏ quên đời”, người đọc ngạc nhiên, xúc động trước vần thơ ấm áp, man mác, tình tứ, tài hoa:

*Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

Bát cơm tỏa khói nặng tình quân dân, tỏa hương của “thơm nếp xôi”, hương của núi rừng, của Mai Châu.. và hương của tình thương mến.

Mở đầu phần hai là sự nối tiếp cái hương vị “thơm nếp xôi” ấy. “Hội đuốc hoa” đã trở thành kỉ niệm đẹp trong lòng nhà thơ, và đã trở thành hành trang trong tâm hồn các chiến binh Tây Tiến:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.*

“Đuốc hoa” là cây nến đốt lên trong phòng cưới, đêm tân hôn, từ ngữ được dùng trong văn học cũ: “Đuốc hoa chẵn thẹn với chàng mai xưa” (Truyện Kiều). Quang Dũng đã có một sự nhào nặn lại: hội đuốc hoa - đêm lửa trại, đêm liên hoan trong doanh trại đoàn binh Tây Tiến. “Bừng” chỉ ánh sáng của đuốc hoa, của lửa trại sáng bừng lên; cũng còn có nghĩa là tiếng khèn, tiếng hát, tiếng cười tung bừng rộn rã. Sự xuất hiện của “em”, của “nàng” làm cho hội đuốc hoa mãi mãi là kỉ niệm đẹp một thời chinh chiến. Những thiếu nữ Mường, những thiếu nữ Thái, những cô gái Lào xinh đẹp, duyên dáng “e ấp”, xuất hiện trong bộ xiêm áo rực rỡ, cùng với tiếng khèn “man điệu” đã “xây hồn thơ” trong lòng các chàng lính trẻ. Chữ “kìa” là

từ đề trở, đứng đầu câu “Kìa em xiêm áo tự bao giờ” như một tiếng trầm trồ, ngạc nhiên, tình tứ. Mọi gian khổ, mọi thử thách, như đã bị đẩy lùi và tiêu tan.

Xa Tây Tiến mới có bao ngày, thế mà nhà thơ “nhớ chơi vơi”, nhớ “hội đuốc hoa”, nhớ “Châu Mộc chiều sương ấy”. Hỏi “người đi” hay tự hỏi mình “có thấy” và “có nhớ”. Bao kỉ niệm sâu sắc và thơ mộng lại hiện lên và ùa về:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

Chữ “ấy” bắt vần với chữ “thấy”, một vần lưng thần tình, âm điệu câu thơ trĩu xuống như một nốt nhất, một sự nhắc nhở trong hoài niệm nhiều băng khuâng. Nữ sĩ xưa nhớ kinh thành Thăng Long là nhớ “hồn thu thảo”, nay Quang Dũng nhớ là nhớ “hồn lau”, nhớ cái xào xạc của gió, nhớ những cò lau trắng trời. Có “nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi” thì mới có nhớ và “có thấy hồn lau” trong kỉ niệm. “Có thấy”... rồi lại “có nhớ”, một lối viết uyển chuyển tài hoa, đúng là “câu thơ trước gọi câu thơ sau” như những kỉ niệm trở về... Nhớ cảnh (hồn lau) rồi nhớ người (nhớ dáng người) cùng con thuyền độc mộc “trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Hình ảnh “hoa đong đưa” là một nét vẽ lãng mạn gợi tả cái “dáng người trên độc mộc” trôi theo thời gian và dòng hoài niệm. Đoạn thơ gợi lên một vẻ đẹp mơ hồ, thấp thoáng, gần xa, hư ảo trên cái nền “chiều sương ấy”. Cảnh và người được thấy và nhớ mang nhiều man mác, băng khuâng. Bút pháp, thi pháp của chủ nghĩa lãng mạn để lại dấu ấn tài hoa qua đoạn thơ này.

Giữa những “bến bờ”, “độc mộc”, “dòng nước lũ” là “hồn lau”, là “dáng người”, là “hoa đong đưa” tất cả được phủ mờ bởi màn trắng mỏng của một “chiều sương” hoài niệm. Tưởng là siêu thực mà lãng mạn, tài hoa.

Hai đoạn thơ trên đây thể hiện cốt cách và bút pháp lãng mạn, hồn thơ tài hoa của Quang Dũng. Nếu “thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp” thì Tây Tiến đã cho ta cảm nhận về ấn tượng ấy. Tây Tiến đã mang vẻ đẹp độc đáo của một bài thơ viết về người lính - anh bộ đội Cụ Hồ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Bài thơ hội tụ mọi vẻ đẹp và bản sắc của thơ ca kháng chiến ca ngợi chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

### *Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 4*

Cả đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên diễm lệ có sức hòa hợp diệu kỳ giữa thiên nhiên và con người. Cảnh trí miền Tây ở khổ thơ dường như được tạo hình theo thi pháp truyền thống: "Thi trung hữu họa, thi trung hữu nhạc". Một miền Tây thơ mộng thi vị giàu sức cuốn hút. Đoạn thơ thứ 2 này được xem là đoạn thơ tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật của Quang Dũng.

#### *Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

"Bừng lên" vừa đột ngột, bất ngờ vừa thú vị. Cả cảnh vật và lòng người đều bừng sáng lên. Chất hào hoa trong bút pháp thể hiện của Quang Dũng đã bộc lộ ngay từ câu thơ đầu. Hai cụm từ "bừng lên" "hội đuốc hoa" thể hiện sự tinh tế trong việc sử dụng từ ngữ của Quang Dũng. Hai cụm từ này vừa có tính tả thực vừa đậm chất lãng mạn. "Bừng lên" vừa có nghĩa bừng sáng lung linh vừa như bừng tỉnh.

"Hội đuốc hoa" đây là cảnh thực. Đêm liên hoan văn nghệ diễn ra dưới những cánh rừng, người đến dự đều cầm trên tay ngọn đuốc, gió thổi làm những ngọn đuốc lung linh phát ra những tia lửa. Cảnh tượng này trong đêm quả thật nhìn như hoa đuốc. Cảm nhận của Quang Dũng vừa tinh tế vừa lãng mạn, câu thơ gợi sức liên tưởng, tưởng tượng cho người đọc. Trên cái nền không gian ấy "em" xuất hiện. "Em" xuất hiện lập tức trở thành trung điểm của mọi điểm nhìn.

#### *Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

"Kìa em" lời chào đón đầy ngạc nhiên sung sướng đến ngỡ ngàng. Lời chào đón mang tính phát hiện. Em lạ mà quen, quen mà lạ. Quang Dũng phát hiện ra vẻ đẹp rực rỡ của cô gái bằng cả niềm yêu, niềm say đến cảm phục. Yêu say từ vóc dáng đến trang phục. Chính trang phục truyền thống đậm đà bản sắc văn hóa của các thiếu nữ Tây Bắc càng tôn vinh lên vẻ đẹp của họ Quang Dũng không khỏi không thán phục đến ngạc nhiên trước vẻ đẹp ấy. Em trở thành hạt nhân của bức tranh với vẻ đẹp xú lạ phương xa. Câu thơ thứ ba xuất hiện lập tức khổ thơ như tràn đầy âm nhạc.

#### *Khèn lên man điệu nàng e ấp.*

Những âm thanh phát ra từ nhạc cụ của đồng bào Tây Bắc đối với người lính Tây Tiến vừa lạ vừa có vẻ hoang dại mang tính sơ khai mà đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Chính cái lạ ấy làm đắm say tâm hồn những chàng trai Tây Tiến gốc Hà Nội

hào hoa. Từ "man điệu" mà Quang Dũng sử dụng ở đây cũng rất tài hoa. Người đọc như được chứng kiến những vũ khúc hoang sơ của văn hóa u Lạc. Vũ khúc ấy hòa với vũ điệu Em duyên dáng, e ấp, tình tứ. Ta chú ý tác giả sử dụng từ : Ban đầu là "em" tiếp đến là "nàng" rồi sau lại là "em". Từ cách sử dụng ấy ta cảm nhận được em như một nàng tiên kiều diễm và ta như lạc vào cõi thần tiên với không khí mê say đến ngây ngất. Chính trong không khí của âm nhạc, vũ điệu ấy đã chấp cánh cho tâm hồn những người lính Tây Tiến thực sự ngất ngây trước người và cảnh.

Sẽ rất thiếu sót nếu như chúng ta dừng lại ở đây. Bởi lẽ bốn câu sau của đoạn thơ mới thực sự thi vị. Cả bốn câu là cảnh sắc Tây Bắc gợi cảm giác mênh mang, huyền ảo:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

Một không gian bàng lảng khói sương như trong cõi mộng cứ thế hiện ra. Cái thực của khí trời Tây Bắc, cái mộng của không khí bàng lảng sương khói hiện lên như một miền cổ tích. Ta nhớ rằng Quang Dũng là một họa sĩ bởi vậy đoạn thơ đậm màu sắc hội họa. Nét bút phác thảo của Quang Dũng thật là tài hoa. Chỉ một vài nét chấm phá vậy mà cái hồn của cảnh vật và con người hiện lên thật sinh động đầy sức cuốn hút.

Không gian dòng sông buổi chiều giăng mắc một màu sương, sông nước bến bờ hoang dại như một bờ tiền sử. "Hồn lau" những cây lau không còn vô tri vô giác mà có linh hồn. Phải là một hồn thơ nhạy cảm, tinh tế, tài hoa và lãng mạn mới cảm nhận được hồn lau đang giăng mắc dọc nẻo bến bờ. Không gian nên thơ ấy làm nền cho người thơ xuất hiện:

*Có nhớ dáng người trên độc mộc*

Câu thơ không tả mà gợi, gợi cái dáng mềm mại uyển chuyển của cô gái trên chiếc thuyền độc mộc. Cảnh rất thơ và người cũng rất tình. Bởi vậy tác giả như ngây ngất đắm say trước cảnh và người, ở đây cảnh như làm duyên với người.

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Duyên dáng đến độ và tình tứ cũng hết lời: Bông hoa rừng cũng đong đưa làm duyên với người. Cảnh và người hòa quyện đồng điệu, tình tứ đến mê say trong cái nhìn lãng mạn của Quang Dũng. Ta có cảm nhận đây là thế giới của cõi mộng, cõi mơ, cõi thơ và cõi nhạc. Thơ và nhạc là hai yếu tố tạo nên bức tranh Tây Bắc nên thơ, mỹ lệ. Ai nói rằng Tây Bắc là xứ rừng thiêng nước độc xin hãy một lần để cho tâm hồn mình lắng lại để chất thơ Tây Bắc ngấm vào hồn.

Đoạn thơ bộc lộ chất tài hoa, chất lãng mạn của Quang Dũng đến tuyệt vời. Cảm ơn nhà thơ đã cho ta một chuyến hành trình về với Tây Bắc thơ mộng để khám phá Tây Bắc và yêu Tây Bắc.

### *Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 5*

Thơ ca muôn đời nay luôn là tiếng lòng của người nghệ sĩ, là cây đàn muôn điệu đa bậc nhiều cung cảm xúc khác nhau. Thơ ca cũng là cầu nối giữa trái tim đến với trái tim, đi tìm chân trời của một người đến chân trời của triệu người. Bài thơ "Tây Tiến" của Quang Dũng cũng đã thực sự trở thành tiếng nói tri âm của độc giả. Đọc đoạn 2 của bài thơ ta ấn tượng sâu sắc về những kỉ niệm và nỗi nhớ qua đó tác giả thể hiện sinh động vẻ đẹp lãng mạn hào hoa của chiến sĩ Tây Tiến.

Bốn câu thơ đầu miêu tả những ấn tượng sâu sắc, những cảm nhận tinh tế của chiến sĩ Tây Tiến về một đêm lửa trại:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về viên chấn xây hồn thơ”*

Câu thơ đầu tựa như một tiếng reo vui. Đây là lần thứ hai, "lửa" và "đuốc" được liên tưởng tới hoa trong đêm sương ở Mường Lát, chiến sĩ Tây Tiến nhìn đuốc soi đường lung linh, huyền ảo mà thấy như "hoa về trong đêm hơi" thì lần này trong đêm lửa trại giữa bản làng miền Tây. Nghệ thuật ẩn dụ và cảm hứng lãng mạn đã khiến ánh lửa bập bùng nơi bóng quân trở thành đuốc hoa rực rỡ gợi liên tưởng thi vị, tình tứ, đem đến niềm vui náo nức, rạo rạo cho lòng người, niềm vui khiến đêm liên hoan giữa bộ đội và dân làng trở thành đêm hội tung bừng. Cụm từ "bừng lên" như một nốt nhấn tươi sáng cho cả câu thơ, nó không chỉ đem đến ấn tượng về ánh sáng chói lóa, đột ngột của lửa, của đuốc, xua đi cái tối tăm, lạnh lẽo của núi rừng

mà còn thể hiện niềm vui sướng rạo rức trong lòng người. Người đọc có thể hình dung những ánh mắt ngỡ ngàng, những gương mặt bừng sáng của những anh chiến sĩ là do phản chiếu của ánh lửa, âm lòng chiến sĩ, ngọn lửa của niềm vui, trẻ trung, lạc quan, tin tưởng vào tương lai.

Hình ảnh trung tâm của hội đuốc hoa là các cô thiếu nữ miền sơn cước "Kìa em xiêm áo tự bao giờ". Từ "kìa" và từ nghi vấn "tự bao giờ" bộc lộ cảm giác vừa ngỡ ngàng thú vị, với ngưỡng mộ triu mến của các chiến sĩ trước sự xuất hiện của các cô gái miền Tây. Đó là cảm giác rất chân thực trong một dịp hiếm hoi sau bao ngày hành quân giữa rừng già với núi cao, dốc thẳm, sương dày, với mưa rừng và thú dữ,... "Man điệu" có thể hiểu là những vũ điệu uyển chuyển của các sơn nữ, cũng có thể hiểu là giai điệu say đắm, ngọt ngào vừa hoang sơ, vừa bí ẩn, vừa mới mẻ lạ lẫm làm mê hoặc lòng người. Với tâm hồn hào hoa, nghệ sĩ đặc biệt nhạy cảm với cái đẹp, người lính Tây Tiến say đắm chiêm ngưỡng và cảm nhận những hình ảnh rực rỡ, những âm thanh ngọt ngào của đêm lửa trại để được thả hồn phiêu diêu, bay bổng trong thế giới mộng mơ, để xây "hồn thơ".

Trong dòng chảy miên viễn của thời gian, những hoài niệm bỗng lắng lại thật sâu ở một buổi chiều sương mộc:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Những nét vẽ mềm mại, tinh tế đã tạo nên một bức tranh thủy mặc với hồn lau bến nách, hơi sương giăng mờ mờ ảo ảo cùng con người trên chiếc thuyền độc mộc và cánh hoa trôi trong dòng nước lũ. "Chiều sương" gói trọn không gian phủ một lớp u buồn phảng phất lên cảnh vật. Chữ "ấy" bắt vần với chữ "thấy" làm cho âm điệu câu thơ trĩu nặng xuống như một nốt nhấn, như một sự nhắc nhở trong hoài niệm những băng khuâng. Chịu sự tác động của nỗi nhớ, những bông hoa lau chập chờn, lay động trên những bến bờ dường như cũng có hồn hơn. Nếu từ láy "đong đưa" gợi hình hơn biểu cảm và chủ yếu gợi tả những cánh hoa rập rờn đôi bờ sông thì hình ảnh "hoa đong đưa" không dừng lại ở nét nghĩa cụ thể ấy mà còn đưa đến những liên tưởng thi vị về dáng vẻ dịu mềm, tình tứ của sơn nữ miền Tây, đó là

một sáng tạo mới mẻ về ngôn từ thể hiện chất lãng mạn rất đặc sắc của hồn thơ "Quang Dũng.

Bức tranh thiên nhiên trong Tây Tiến đã được Quang Dũng thổi hồn vào cái nồng nàn của cảm xúc, những đường nét ấn tượng về hội họa và thanh âm trong trẻo của nhạc tính. Bức tranh ấy chính là nền tuyệt đẹp để người lính Tây Tiến xuất hiện một cách hiên ngang và hùng dũng. Cũng trên cái nền ấy tâm hồn và tài năng của nhà thơ đã được chấp cánh bởi sự say mê trong cảm xúc và tài hoa của nghệ thuật.

Gấp trang sách lại mà những vần thơ của Quang Dũng vẫn văng vẳng để rồi những cảm xúc chân thật nhất của nhà thơ gửi gắm mãi neo động trong tâm hồn con người trở thành một nỗi niềm chung.

### *Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 6*

Bài thơ được tác giả chia thành 4 đoạn. Đoạn 1 bộc lộ nỗi nhớ những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội, hoang sơ. Đoạn 2 là những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong những đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng. Đoạn 3 tái hiện lại chân dung người lính Tây Tiến. Đoạn 4 là lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây. Toàn bài thơ in đậm dấu ấn tài hoa, lãng mạn, phóng khoáng của hồn thơ Quang Dũng. Với tài năng và tâm hồn ấy, Quang Dũng đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng trên cái nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, dữ dội, dữ dội.

Trong miền kí ức của Quang Dũng không chỉ có những ngày tháng gian khổ với đèo cao, mưa rừng, thú dữ, sương phủ mà còn có cả ánh sáng hội hè của những đêm liên hoan tung bừng và những buổi chiều êm ả, mộng lung.

Đoạn thơ thứ hai mở ra một thế giới khác của miền Tây:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu , nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Cảnh một đêm liên hoan văn nghệ của những người lính Tây Tiến có đồng bào địa phương đến góp vui được miêu tả bằng những chi tiết rất thực mà cũng rất thơ mộng. Từ “bùng lên” kết hợp với hình ảnh đẹp “đuốc hoa” miêu tả không khí sôi nổi, cả doanh trại bừng sáng, lung linh ánh lửa đuốc khi đêm văn nghệ bắt đầu. Tiếng reo “kìa em xiêm áo tự bao giờ” thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên, say mê, vui sướng của các anh lính Tây Tiến trước vẻ lộng lẫy bất ngờ của các cô gái nơi núi rừng. Các cô gái chính là trung tâm, là linh hồn của đêm hội có vẻ đẹp e thẹn, tình tứ, mềm mại, duyên dáng trong một vũ điệu đậm màu sắc xứ lạ “man điệu” đã thu hút hồn vía của các chàng trai Tây Tiến. Không khí của đêm liên hoan còn ngây ngất hơn bởi tiếng khèn rạo rục, réo rắt khiến cho cả con người, cảnh vật như bốc men say, trở nên phong phú, sinh động như muốn “xây hồn thơ” lãng mạn. Đây cũng chính là tâm hồn hào hoa, tinh tế của Quang Dũng.

Nếu cảnh đêm liên hoan đem đến cho người đọc không khí hào hứng thì cảnh sông nước miền Tây lại gợi lên cảm giác mê mẩn, mờ ảo:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

Ngòi bút của Quang Dũng không tả mà chỉ gợi. Những hình ảnh “chiều sương ấy”, “hồn lau”, “nẻo bến bờ”, “hoa đong đưa” kết hợp với cách hỏi “có thấy”, “có nhớ” mở ra một khung cảnh buổi chiều sương trong kí ức. Sương mờ giăng mắc khắp không gian, bến bờ lặng lẽ hoang dại, trên sông xuất hiện một dáng người mềm mại, uyển chuyển của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc, những bông hoa rừng đong đưa làm duyên trong dòng nước. Cảnh như có hồn, có sự thiêng liêng của núi rừng, đậm màu sắc cổ tích và huyền thoại. Qua những nét vẽ hư ảo trên, ta như thấy trước mắt mình một bức tranh sơn thủy hữu tình mang dấu ấn của một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, lãng mạn, tài hoa, vô cùng yêu mến, gắn bó với mảnh đất miền tây-tâm hồn Quang Dũng. Đồng thời ta cũng cảm nhận được tâm hồn rung động của các chiến sĩ Tây Tiến trước cái đẹp.

Trong hai đoạn thơ sau, nhà thơ không miêu tả cảnh thiên nhiên nữa mà tập trung vào khắc họa chân dung người lính tây tiến và nỗi nhớ miền tây bằng những nét vẽ khoẻ khoắn, mạnh bạo, gân guốc đậm chất bi tráng.

Tám câu thơ của khổ hai đã vẽ nên khung cảnh thiên nhiên, con người miền tây với vẻ đẹp mỹ lệ, thơ mộng, trữ tình. Chất nhạc, chất hoạ, chất mơ mộng hoà quyện chặt chẽ với nhau trong đoạn thơ tạo nên một thế giới của cái đẹp. Từng nét vẽ của Quang Dũng đều mềm mại, tinh tế, uyển chuyển. Đây là đoạn thơ bộc lộ rõ nhất sự tài hoa, lãng mạn của Quang Dũng trong tổng thể bài thơ.

### *Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 7*

*“Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở*

*Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn”*

Như Chế Lan Viên đã viết, lòng thương nhớ luôn dạt dào nơi trái tim khi ta đủ yêu, đủ gắn bó. Nhà thơ Quang Dũng cũng từng gắn bó với Tây Bắc, từng “súng bên súng, đầu sát bên đầu” với những người đồng đội và chính những yêu thương đã khơi nguồn nỗi nhớ, thôi thúc ông viết lên bài thơ Tây Tiến với những kỉ niệm đẹp hiện lên lung linh qua khổ thơ thứ hai.

Đến khổ thơ thứ hai ký ức một thời trận mạc đã trở thành hành trang của người lính Tây Tiến. Kỉ niệm khó quên nhất có lẽ là những đêm liên hoan lửa trại:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp*

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Đêm hội dường như thêm vui vẻ, ấm áp và quyến rũ, say lòng người khi có “em” đang yểu điệu, thướt tha, e ấp, dịu dàng. Đoạn thơ vẽ lên bức tranh đêm hội đuốc hoa thật vui vẻ, ấm áp. Nếu Mai Châu có hương vị cơm nếp thật hấp dẫn,...thì Châu Mộc khoác lên vẻ mộc mạc mà đậm chất thơ:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy*

*Có nhớ hồn lau nẻo bến bờ*

*Có nhớ dáng người trên độc mộc*

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Bốn câu thơ theo dòng hồi tưởng “trôi” về miền đất lạ, đó là Châu Mộc với nét đẹp hoang sơ của nó đã trở thành mảnh tình trong tâm hồn của bao người.

*“Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn”  
(Chế Lan Viên)*

Nỗi nhớ kéo dài để lòng người nặng những hoài niệm, nặng những chơi vơi. Hoa đong đưa” là hoa rừng đong đưa làm duyên trên dòng nước hay cô gái miền Tây Bắc xinh đẹp trên dòng suối? Thuở ấy, núi rừng Tây Bắc thật hoang sơ nhưng trong cái hoang sơ lại thật nên thơ và lãng mạn của cảnh và người . Bức tranh chiều sương Châu Mộc và đêm hội đuốc hoa như một bức tranh sơn mài của một danh họa mang vẻ đẹp màu sắc vừa cổ điển vừa hiện đại.

Nhà thơ Quang Dũng đã vô cùng thành công với tác phẩm Tây Tiến đặc biệt khi khắc họa tượng đài những chiến binh hào hoa, dũng cảm, lãng mạn đã ghi dấu thật sâu trong trái tim bạn đọc.

*“Anh vệ quốc quân ơi  
Sao mà yêu anh thế !”  
(Tố Hữu)*

### ***Phân tích khổ 2 Tây Tiến - Mẫu 8***

Voltaire từng nói: “ Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm”, thơ ca phản ánh chân thực tâm tư tình cảm người nghệ sĩ. Bởi vậy, ta có dịp bắt gặp tiếng lòng nhà thơ Quang Dũng gửi nỗi nhớ niềm thương gửi tới Tây Tiến trong bài thơ cùng tên. Khổ thơ bốn kết tinh nỗi niềm và tài năng của nhà thơ:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp cam go, thơ vẫn trở thành vũ khí tinh thần, động viên ý chí chiến đấu, lòng yêu nước của nhân dân ta. Giữa những năm tháng ác liệt đó, năm 1948, khi nhà thơ Quang Dũng được lệnh chuyển đơn vị căn cứ đến đơn vị khác. Hình ảnh làng Phù Lưu Chanh- nơi đã gắn bó với cuộc đời người lính trở thành nỗi ám ảnh trong hồn thơ tác giả. Nỗi nhớ về một thời đã sống với đoàn quân Tây Tiến chấp cảm hứng bay bổng cho lời thơ tuôn trào.

Nỗi nhớ chảy tràn trong từng câu thơ, nhà thơ bằng khung buổi sinh hoạt ở doanh trại lính giữa rừng núi Tây Bắc. Hình ảnh đêm liên hoan mở ra ngập tràn với ánh sáng hoa lửa:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa”*

Cụm từ “đuốc hoa” không chỉ là hình ảnh thực về ánh lửa đuốc mà còn gợi cái nhìn lãng mạn của chàng trai trẻ tuổi, trẻ lòng, cảm nhận ánh lửa tươi sáng, rạng ngời, lung linh. Vàng sáng gợi về không gian ấm áp, ảo huyền xua tan cái lạnh lẽo, âm u của nơi rừng thiêng nước độc. Hình ảnh đuốc đáo cũng xa xôi gợi liên tưởng về lễ hội cầu lúa đôi êm đêm. Chi tiết gợi tình quân dân cá nước nồng nàn, say đắm. Không khí nơi doanh trại đông vui tựa đêm hội hoa đăng để những chàng trai, thiếu nữ sơn thôn mở hội lòng. Kết hợp với động từ “bừng” đậm tô ánh đuốc bừng sáng không gian, mang lại niềm vui tươi mới, gợi dậy một miền kỉ niệm trong sâu thẳm tâm trí nhân vật trữ tình.

Giữa đêm hội tung bừng, náo nhiệt, hình ảnh mộng mơ của bóng dáng những cô em làm sao xuyên trái tim những chàng lính trẻ:

*“Kìa em xiêm áo tựa bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Từ Hán Việt “xiêm áo” khắc họa nét lộng lẫy, rực rỡ của y phục những cô gái vùng cao, dưới ánh lửa càng trở nên kín đáo, tình tứ, dễ mến. Câu từ gần gũi như bước từ trang đời vào trang thơ, làm sống động một trời kí ức. Người lính Tây Tiến xuất thân là những chàng trai mới dời ghế nhà trường, đến từ Hà thành ngàn năm văn hiến. Nay các anh đặt chân đến nơi rừng lạ núi xa, chứa đầy bí ẩn, làm sao tránh khỏi giây phút ngỡ ngàng trước sắc đẹp bình dị của những sơn thôn nơi đây. “Kìa em” là lời thốt lên tự nhiên, phản ánh cái nhìn mê đắm, hóm hỉnh, trẻ trung, đậm chất lính.

Giọng điệu nhẹ nhàng, sôi nổi, gợi hình ảnh người lính đắm say trong khung cảnh đậm chất trữ tình, ngân vang tiếng khèn bay bổng và trước điệu nhảy quyến rũ, gợi mời trong đêm hoa đăng lộng lẫy. Đọc thơ Quang Dũng quả thực như ngâm nhạc, câu thơ mang nhạc điệu hài hòa, lời cuốn bạn đọc cùng đắm say. Những nét phong tục, văn hóa vùng núi mới mẻ, cuốn hút trong cái nhìn của những anh lính. Hữu

cảnh sinh tình, không gian là chất xúc tác biến người chiến sĩ thành người thi sĩ. Nàng thơ của các anh là cái đẹp duyên dáng của sơn nữ miền sơn cước, yêu kiều. Dừng chân trên chặng đường hành quân gập ghềnh, cheo veo, những đêm hội đông vui thể hiện tinh thần lạc quan, nét hòa hoa, yêu đời của họ.

Khổ thơ bốn giúp ta có cái nhìn trọn vẹn hơn về tâm hồn người lính Tây Tiến. Họ không chỉ mang hào hùng, bất khuất trước gian khó, nhà thơ khám phá những nét tâm tư rất đời của các anh. Nơi đó, hiện lên trái tim rung động, xao xuyến trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cô em sơn thôn. “Tây Tiến” trở về vẹn nguyên, sinh động bởi hình ảnh đó luôn thường trực trong tâm trí nhà thơ Quang Dũng. Nét bút đa tài của tác giả cùng nỗi nhớ chân thành còn lưu lại dư âm trong lòng bạn đọc.

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 9*

Quang Dũng là nhà thơ – chiến sĩ, từng cầm súng đánh giặc và làm thơ thời kháng chiến chống Pháp. Năm 1948, tại Phù Lưu Chanh (Hà Tây cũ), ông viết bài thơ “Tây Tiến” nói lên tình thương nhớ chiến trường miền Tây, nhớ đồng đội thân yêu một thời trận mạc. Mở đầu bài thơ là một lời nhắn gọi biết bao thiết tha bồi hồi:

*“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!  
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi”.*

Bài thơ có 34 câu thơ thất ngôn, chia thành 4 đoạn, mỗi đoạn thơ là sự hồi tưởng bao kỉ niệm sâu sắc. Đây là đoạn thơ thứ hai có 8 câu mang vẻ đẹp như một bài hành nói về 2 nỗi nhớ: nhớ hội đuốc hoa và nhớ chiều sương Châu Mộc:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

...

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”.*

Từ “Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói – Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”, Quang Dũng nhớ đến “hội đuốc hoa” thắm thiết tình quân dân:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”.*

Đuốc hoa là cây nến thấp lên trong phòng tối tâm hồn. “Truyện Kiều” có câu: “Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa”(3096). Quang Dũng sáng tạo thành “hội đuốc hoa” để nói về đêm liên hoan lửa trại giữa các cán bộ chiến sĩ đoàn binh Tây Tiến với đồng bào các bản Mường. Chữ “bừng” vừa chỉ ánh lửa, ánh đuốc sáng bừng lên, vừa tả âm thanh tiếng nói, tiếng cười, tiếng hát, tiếng khèn vang lên tung bừng rộn rã trong hội đuốc hoa. Đêm lửa trại, đêm liên hoan chắc là có múa sạp, có múa xòe của các cô gái Mường, cô gái Thái tham gia? Chữ “kia” là đại từ để trở một đối tượng (người, vật) từ xa; trong văn cảnh thể hiện sự ngạc nhiên, niềm vui thích, tình tứ của chàng lính trẻ Tây Tiến khi nhìn thấy các “em”, các “nàng” đến dự hội đuốc hoa trong bộ xiêm áo xinh đẹp. Hình ảnh “nàng e ấp” là một nét vẽ tài hoa và có hồn đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, kín đáo, tình tứ của các thiếu nữ miền Tây. Ánh lửa, tiếng hát, tiếng khèn, màu xiêm áo rực rỡ, vẻ đẹp kiêu diễm của các “em”, các “nàng” như đã “xây hồn thơ” các chàng lính trẻ. Con người thì trẻ chung, xinh đẹp, hào hoa, đa tình; ngòi bút của thi nhân cũng rất tài hoa, lãng mạn. Qua hội đuốc hoa, ta càng thấy đời sống tinh thần vô cùng phong phú của đoàn binh Tây Tiến nơi chiến trường miền Tây gian khổ ác liệt.

Bốn câu thơ tiếp theo dòng hồi tưởng “trôi” về một miền đất lạ, đó là Châu Mộc thuộc tỉnh Sơn La, nơi có những bãi cỏ bát ngát mênh mông, nơi có dãy núi Pha Luông cao 1880m, nơi có bản Pha Luông sầm uất của người Thái. Quang Dũng người lính chiến với tâm hồn thi sĩ đã khám phá ra bao vẻ đẹp kì thú miền Châu Mộc. Năm tháng đã trôi qua, cảnh và người miền đất lạ ấy đã trở thành một mảnh tâm hồn của bao người:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”.*

“Chiều sương ấy” là chiều thu 1947. Sương trắng phủ mờ núi rừng chiến khu chiều thu ấy in đậm hồn người; hoài niệm càng trở nên mênh mang. Chữ “ấy” câu trên bắt vần với chữ “thấy” câu dưới tạo nên một vần lưng giàu âm điệu, như một tiếng khẽ hỏi “có thấy” cất lên trong lòng. Hồn lau là hồn mùa thu. Hoa lau nở trắng cò, lá lau kêu xào xạc trong gió thu “nẻo bến bờ”, nơi bờ sông bờ suối. Với tâm hồn thi sĩ tài hoa, Quang Dũng đã cảm nhận vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên Châu

Mộc qua cảnh sắc “chiều sương” và “hồn lau nẻo bên bờ”. Những thi liệu ấy đã tạo nên vẻ đẹp cổ điển bức tranh suối rừng nơi miền đất lạ. Thấp thoáng trong vần thơ “Tây Tiến” là những câu cổ thi tuyệt bút:

*“Sương đầu núi buổi chiều như dội,  
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu...”*

*(Chinh phụ ngâm)*

Các thi sĩ xưa nay vẫn gọi hồn thu là hồn lau:

*“Ngàn lau cười trong nắng  
Hồn của mùa thu về  
Hồn mùa thu sắp đi  
Ngàn lau xao xác trắng”.*

*(Lau mùa thu – Chế Lan Viên)*

Điệp ngữ “có thấy” và “có nhớ” làm cho hoài niệm về chiều sương Châu Mộc thêm phần man mác, băng khuâng. Nhớ cảnh rồi nhớ đến người. Trong chia phôi còn “có nhớ”. “Có nhớ” con thuyền độc mộc và “đáng người” chèo thuyền độc mộc? “Có nhớ” hình ảnh “hoa đong đưa” trên dòng nước lũ? “Hoa đong đưa” có phải là hoa rừng “đong đưa” làm duyên trên dòng nước lũ như giáo sư Phan Cự Đệ đã nói? Hay “Hoa đong đưa” là hình ảnh ẩn dụ gợi tả các cô gái miền Tây xinh đẹp lái thuyền độc mộc duyên dáng, uyển chuyển như những bông hoa rừng đang “đong đưa” trên sông suối. Bài hát “Sơn nữ ca” của nhạc sĩ Trần Hoàn, “Nụ cười sơn cước” của nhạc sĩ Tô Hải cho ta cảm nhận ấy. Phải có “tay lái ra hoa” mới có thể “đong đưa” được như vậy.

Những dòng hồi tưởng trên đây về cảnh sắc và con người nơi suối rừng miền Tây, nơi cao nguyên Châu Mộc đã được thể hiện một cách tuyệt đẹp qua bút pháp tài hoa và hồn thơ lãng mạn. Thuở ấy, núi rừng Tây Bắc vô cùng hoang vu, là chốn rừng thiêng liêng nước độc, nhưng Quang Dũng với tâm hồn lạc quan và yêu đời của một khách chinh phu thời đại mới đã cảm nhận và phát hiện bao vẻ đẹp thơ mộng, xinh tươi của cảnh sắc thiên nhiên và con người Tây Bắc.

Hoài niệm, kỉ niệm về chiến trường núi rừng miền Tây như được chắt lọc qua tâm hồn. Nhà thơ có gắn bó với cảnh vật và con người Tây Bắc, có vào sinh ra tử với

đồng đội mới có kỉ niệm đẹp và sâu sắc như vậy, mới có thể viết nên những vần thơ sáng giá như thế.

Bức tranh chiều sương Châu Mộc và hội đuốc hoa như một bức tranh sơn mài của một danh họa mang vẻ đẹp màu sắc cổ điển và lãng mạn kết hợp hài hòa với tính thời đại và hiện đại trong máu lửa chiến tranh.

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 10*

Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh, soạn nhạc... nhưng thành công nhất vẫn là thơ ca. Các tập thơ tiêu biểu của Quang Dũng được bạn đọc biết đến nhiều như “Mây đầu ô”, “Mùa hoa gạo”... Nhưng tên tuổi của Quang Dũng có lẽ đã gắn liền với bài thơ Tây Tiến. Bài thơ ra đời vào năm 1948 in trong tập “Mây đầu ô” là bài thơ tiêu biểu nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ có giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc mà tiêu biểu là đoạn thơ sau đây: “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa... Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Tây Tiến là một phân hiệu bộ đội được thành lập đầu năm 1947. Thành phần chủ yếu là thanh niên trí thức Hà Nội. Nhiệm vụ của họ là phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới phía Tây. Năm 1948, Tây Tiến giải thể để thành lập trung đoàn 52. Quang Dũng cũng chuyển sang đơn vị khác.

Sau khi rời đơn vị cũ chưa được bao lâu Quang Dũng đã sáng tác bài thơ này. Đoạn thơ ta bình giảng là đoạn thơ thứ hai trong bài Tây Tiến. Bốn câu đầu, nhà thơ mang đến cho người đọc không khí tươi vui của đêm liên hoan văn nghệ đậm tình quân dân.

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa.*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ.*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp.*

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ"*

“Doanh trại” là nơi đóng quân của Tây Tiến cũng là nơi diễn ra lễ hội văn hóa đậm đà tình quân dân. Đồng bào dân tộc đã tụ họp về đây để sinh hoạt và góp vui tinh thần với bộ đội Tây Tiến. Từ “bùng” gợi cảm giác âm áp, gợi niềm vui lan tỏa. Đêm rừng núi thành đêm hội. Ngọn đuốc nứa, đuốc lau thành “đuốc hoa” (“Đuốc hoa” là hoa chúc – cây nến đốt lên trong phòng cưới, đêm tân hôn).

Ở đây, “đuốc hoa” có ý nghĩa là gọi không khí ấm cúng, gọi niềm vui, niềm hạnh phúc trong lòng các chiến sĩ. “Bùng” chỉ ánh sáng của đuốc hoa, của lửa trại sáng bùng lên; cũng còn có nghĩa là tiếng khèn, tiếng hát, tiếng cười nói tung bùng rộn rã. Tố Hữu khi nhớ về Việt Bắc cũng từng viết về đêm liên hoan:

*“Nhớ sao lớp học i tờ  
Đông khuya đuốc sáng những giờ liên hoan”.*

Có thể hình dung đêm hội mà Quang Dũng viết trên đây như một đám cưới tập thể. Từ “Kìa em” trong câu thơ thứ hai thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của lính Tây Tiến trước vẻ đẹp của cô gái vùng cao trong trang phục “xiêm áo” lộng lẫy cùng dáng vẻ “e ấp” rất thiếu nữ.

Quang Dũng phát hiện ra vẻ đẹp rực rỡ của cô gái bằng cả niềm yêu, niềm say đến cảm phục. Yêu say từ vóc dáng đến trang phục. Chính trang phục truyền thống đậm đà bản sắc văn hóa của các thiếu nữ Tây Bắc càng tôn vinh lên vẻ đẹp của họ. Quang Dũng không khỏi không thán phục đến ngạc nhiên trước vẻ đẹp ấy. Em trở thành hạt nhân của bức tranh với vẻ đẹp xứ lạ phương xa.

Những thiếu nữ Mường, những thiếu nữ Thái, những cô gái Lào xinh đẹp, duyên dáng “e ấp”, xuất hiện trong bộ xiêm áo rực rỡ. Cũng có thể hiểu người lính đang đóng giả con gái trong những trang phục dân tộc rất độc đáo, tạo tiếng cười vui cho đêm văn nghệ. Ngỡ ngàng nữa là tiếng khèn “man điệu”.

Khèn là một loại nhạc cụ của người dân tộc miền núi Tây Bắc còn “man điệu” là một điệu nhạc “lạ” đặc trưng văn hoá của những con người nơi đây. Và hòa vào tiếng khèn ngát ngậy ấy là điệu múa Lăm vông quyến rũ của những cô gái Lào đã “xây hồn thơ” trong lòng các chàng lính trẻ. Chính cái lạ ấy làm đắm say tâm hồn những chàng trai Tây Tiến gốc Hà Nội hào hoa. Chính trong không khí của âm nhạc, vũ điệu ấy đã chấp cánh cho tâm hồn những người lính Tây Tiến thăng hoa, mọi mệt mỏi như bị đẩy lùi, thêm vào đó là lòng yêu đời, yêu miền đất lạ.

Chính vì thế mọi cảm giác mệt mỏi, vất vả đều tan biến. Thay vào đó là niềm lạc quan, yêu đời nâng bước họ mạnh mẽ hơn trên con đường hướng về “Viên Chăn xây hồn thơ”. Từ đó, ta có thể thấy được rằng các chiến sĩ của chúng ta dù trong những giờ phút vui vẻ, thoải mái nhất thì tâm hồn của họ vẫn luôn hướng về

lí tưởng cách mạng cao đẹp. Bốn câu sau là khung cảnh chia tay trên nền sông nước Tây Bắc vừa thực vừa mộng hoang vắng, tĩnh lặng, buồn thi vị.

Cả bốn câu là cảnh sắc Tây Bắc gợi cảm giác mê mẫn, huyền ảo:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

So với bốn câu thơ trên là hình ảnh không khí đêm lễ hội tung bừng hoà hợp với ánh sáng lung linh và tâm hồn trẻ trung, yêu đời của các chiến sĩ Tây Tiến thì bốn dòng thơ tiếp theo, Quang Dũng đưa người đọc đến với hình ảnh của con người và núi rừng Tây Bắc trong một buổi chiều sương ... Một không gian bàng lảng khói sương như trong cõi mộng cứ thế hiện ra.

Thiên nhiên Tây Bắc hiện lên theo chiều hướng nhẹ hoá. Cái dữ dội, khốc liệt được đẩy lùi đi và thay vào đó là những hình ảnh nhẹ nhàng và thơ mộng. Hình ảnh đầu tiên là hình ảnh chiều sương cho ta thấy nét đặc trưng vốn có của núi rừng nơi đây. Nhưng sương ở đây ko phải là sương lấp, sương che hay sương phủ mà là "Người đi Châu Mộc chiều sương ấy". Nó gợi màu sắc bàng lảng, sương khói vừa có nỗi buồn man mác. Đại từ "ấy" làm rõ nghĩa hơn cho từ chiều sương để nhấn mạnh rằng đây là một buổi chiều sương rất đặc biệt, chiều sương trong nỗi nhớ đã thành kỷ niệm nên tình người cũng man mác, bàng khuâng.

Đoạn thơ đậm màu sắc hội họa. Cái thực của khí trời Tây Bắc, cái mộng của không khí bàng lảng sương khói hiện lên như một miền cổ tích. Có lẽ chất họa sĩ của Quang Dũng đã ăn vào thơ ở đoạn này. Nét bút phác thảo của Quang Dũng thật là tài hoa. Chỉ một vài nét chấm phá vậy mà cái hồn của cảnh vật và con người hiện lên thật sinh động đầy sức cuốn hút. Sông nước hoang dại như một bờ tiền sử, bên bờ lau lách và tác giả đã cảm nhận những cánh lau qua hai từ vô cùng tinh tế, đó là "hồn lau"... gợi cảm giác hoang vắng, tĩnh lặng, giàu chất thơ sâu lắng vừa có chút gì đó thiêng liêng phảng phất chút tâm linh rừng núi.

"Nẻo bến bờ" có nghĩa là: nẻo – lối đi. Nẻo bến bờ là nhìn đâu cũng thấy mê mẫn mang hồn lau. "Hồn lau" – những cây lau không còn vô tri vô giác mà có linh hồn.

Phải là một hồn thơ nhạy cảm, tinh tế, tài hoa và lãng mạn mới cảm nhận được vẻ đẹp nên thơ ấy.

*“Ngàn lau cười trong nắng  
Hồn của mùa thu về  
Hồn của mùa thu đi  
Ngàn lau xao xác trắng”  
(Chế Lan Viên)*

Không gian nên thơ ấy làm nền cho người thơ xuất hiện: Giữa hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc hiện lên đầy sức sống và lãng mạn thì hình ảnh con người nơi đây hiện lên mang một vẻ đẹp khỏe khoắn, bất khuất, kiên cường: "Có nhớ dáng người trên độc mộc".

Diệp ngữ “có thấy – có nhớ” duyên lý như chạm khắc vào lòng người một nỗi nhớ da diết, cháy bỏng khôn nguôi. Độc mộc là một loại thuyền được làm từ thân cây gỗ lớn, dài. Dáng người trên độc mộc ở đây có thể là hình ảnh mềm mại, uyển chuyển của những cô gái Thái, Mèo đang đưa các chiến sĩ vượt sông. Cũng có thể hiểu là dáng hình kiêu dũng của các chiến sĩ Tây Tiến đang chèo chống con thuyền vượt sông, vượt thác dữ tiến về phía trước. Tất cả những hình ảnh ấy đều đã để lại trong lòng của Quang Dũng một hình ảnh khó phai nhòa...

Thiên nhiên Tây Bắc vốn nổi tiếng với con sông Mã, một dòng sông đã chứa trong nó biết bao dữ dội. Nhưng ở đây, dòng sông Mã đã hiện lên với sự nhẹ nhàng đến kỳ lạ. Những cánh hoa rừng không bị ”dồi lên dập xuống” mà là “Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Từ láy “đong đưa” được sử dụng rất gợi cảm: Cánh hoa rừng như cũng quyến luyến con người. Cánh hoa rừng như bàn tay vẫy chào người lính, tiễn người lính vượt sông đi đánh giặc. Đoạn thơ để lại một dấu ấn đẹp đẽ về thơ ca kháng chiến mà sự thành công là kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Bên cạnh đó còn có các yếu tố nghệ thuật: Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị, hồn thơ mang đậm chất lãng mạn, hào hoa...

Những từ ngữ như “có nhớ”, “có thấy” duyên lý, khắc họa thêm nỗi nhớ: lưu luyến, bồi hồi. Tất cả đã tạo nên một bài thơ hay và giàu giá trị. Tóm lại, tám câu thơ của khổ hai đã vẽ nên khung cảnh thiên nhiên, con người miền Tây với vẻ đẹp mỹ lệ, thơ mộng, trữ tình.

Chất nhạc, chất hoạ, chất mơ mộng hoà quyện chặt chẽ với nhau trong đoạn thơ tạo nên một thế giới của cái đẹp. Từng nét vẽ của Quang Dũng đều mềm mại, tinh tế, uyển chuyển. Đây là đoạn thơ bộc lộ rõ nhất sự tài hoa, lãng mạn của Quang Dũng trong tổng thể bài thơ.

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 11*

*“Tổ Quốc ta bao giờ đẹp thế này chăng?”*

Nhà thơ Chế Lan Viên đã từng thốt lên khi ông cảm nhận được vẻ đẹp của đất nước ta. Vẻ đẹp ở đây không chỉ ở những cánh đồng lúa mênh mông, bát ngát hay những bờ biển rì rào cát trắng mà nó còn ở trong chính con người Việt Nam ta. Cùng đề tài ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người, Quang Dũng đã khắc họa tài tình vẻ đẹp vùng núi Tây Bắc và phẩm chất của những người lính qua tác phẩm "Tây Tiến". Ông sáng tác bài thơ vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh sau khi ông rời đơn vị cũ. Quang Dũng gửi gắm mọi tâm tư, tình cảm, nỗi nhớ da diết của mình vào Tây Tiến, nổi bật hơn hết là những kỉ niệm đẹp cùng với hình ảnh đêm hội liên hoan và buổi chiều sương được thể hiện tinh tế qua đoạn thơ:

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

...

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"*

Tây Tiến là tên đoàn quân được thành lập năm 1947, chiến đấu ở vùng Tây Bắc. Đa số là thanh niên tri thức Hà Nội. Ban đầu bài thơ có tên "Nhớ Tây Tiến" nhưng để đảm bảo tính hàm súc cho tác phẩm thì Quang Dũng đã đổi tên thành "Tây Tiến". Dấu ấn hội họa và âm nhạc được tác giả thể hiện nổi bật ở những kỉ niệm đẹp và buổi chia ly trong miền nhớ của ông

Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh doanh trại lung linh, tung bừng, vui như đi trăng hội.

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ"*

Thông thường khi nhắc đến "doanh trại" thì ta sẽ nghĩ đến không khí nghiêm túc, khô khan của các anh chiến sĩ, bộ đội. Nhưng không, trong thơ Quang Dũng hình ảnh doanh trại hiện lên cùng với hội đuốc hoa cùng với động từ "bừng" tạo nên không khí vui tươi, sôi động. Ở đây các anh chiến sĩ được thoải mái, thư giãn sau những chặng đường hành quân khó khăn, mệt mỏi. Động từ "bừng" như làm rục

sáng cả câu thơ, như ánh sáng tỏa sáng rực rỡ, mạnh mẽ khắp doanh trại. Cụm từ cảm thán " kìa em" vang lên với sự ngỡ ngàng, kinh ngạc đồng thời lại đầy cảm xúc dạt dào, triu mến. Các cô gái Tây Bắc với xiêm y lộng lẫy, đẹp đẽ bước ra mang đến hương sắc ngọt ngào, nhẹ nhàng tạo cho doanh trại một không khí đầy tươi vui, hạnh phúc. Một đêm hội tràn ngập ánh sáng, chan hòa âm nhạc và vũ điệu, thấm thiết tình quân dân

Tiếp đến hai câu thơ sau mang đến bản sắc dân tộc vùng Tây Bắc:

*"Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ"*

Khèn là nhạc cụ dân tộc ở núi rừng Tây Bắc, thường người Tây Bắc sẽ sử dụng loại nhạc cụ này trong các dịp lễ hội và các chàng trai, cô gái thì múa hoặc hát theo tiếng nhạc ấy. Tác giả đã đem vào thơ ca hình ảnh nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc ở Tây Bắc. "Man điệu" ở đây chỉ điệu nhạc hay điệu múa mang đậm đà bản sắc dân tộc xứ này. Tính từ "e ấp" thể hiện sự thẹn thùng, ngại ngùng của các cô thiếu nữ dân tộc đồng thời làm toát lên vẻ đẹp tinh tế, trong sáng của các cô gái. Tiếng nhạc hòa cùng các điệu múa nhẹ nhàng, uyển chuyển của các cô gái làm lay động, say mê các chàng thanh niên tri thức Hà Nội. Không khí đó đã xua tan mọi muộn phiền, mỏi mệt của đoàn quân Tây Tiến, như tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho họ để tiếp tục chặng đường đầy khó khăn cùng với ý chí "Quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh" của mỗi người chiến sĩ. Trong không khí ấy, tâm hồn của người chiến sĩ hướng "về Viên Chăn xây hồn thơ". Hơn ở đâu hết, đoạn thơ này bộc lộ nét tài hoa và hồn thơ lãng mạn của Quang Dũng.

Hai câu thơ tiếp theo tả cảnh buổi chiều chia ly ở Tây Bắc, vừa tả thực vừa tả mộng tạo nên không gian huyền ảo, mộng mơ:

*"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có nhớ hồn lau nẻo bến bờ"*

Hình ảnh buổi chiều sương lãng mạn, nhẹ nhàng, thơ mộng khác với sự hùng vĩ dữ dội ở đầu bài. Một thế giới khác của thiên nhiên Tây Bắc được mở ra, không còn mạnh mẽ, khúc khuỷu, thăm thẳm mà lại chuyển sang nên thơ, mơ mộng hơn. Đặc biệt đại từ "ấy" tạo nên nét độc đáo cho buổi chiều sương, như nhắc lại kỉ niệm những buổi chiều sương đẹp đẽ, lung linh trong miền ký ức. Sương ở đây không

phải là sương che lấp, che phủ mà sương thể hiện nỗi buồn man mác, nỗi lưu luyến của người đi Châu Mộc vào buổi chiều sương. Sau này, cùng hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ, nên thơ.đó, Tố Hữu đã có hai câu thơ ngợi tả cảnh đẹp ở Châu Mộc:

*"Nông trường Châu Mộc như hoa nở  
Giữa núi rừng Tây Bắc hát ca"*

Còn buổi chiều của thơ Quang Dũng, ông miêu tả hình ảnh "hồn lau" tả dáng lau uyển chuyển, mỏng manh qua màn sương, đồng thời như mang đến làn gió thổi vào từng cây cỏ để tạo nên không gian thiên nhiên đầy sức sống, mãnh liệt.

Hai câu thơ cuối thể hiện hình ảnh con người hòa quyện cùng thiên nhiên thơ mộng:

*"Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"*

Bóng dáng người trên độc mộc với dáng vẻ lả lướt, thướt tha hòa cùng với sự làm duyên của cánh hoa đong đưa theo dòng nước lũ. Điệp ngữ "có nhớ- có thấy" làm tăng thêm xúc cảm, nỗi nhớ da diết, nồng nàn của tác giả dành cho nơi đây. Hình ảnh đối lập giữa dòng nước lũ và hoa đong đưa, dòng lũ cuốn trào mạnh mẽ với cánh hoa nhẹ nhàng lung lay, hai hình ảnh như đối lập hoàn toàn nhưng lại hài hòa, nên thơ. Bút pháp gợi mà không tả với những nét vẽ cách điệu đã tạo nên bức tranh đậm đà chất hội họa hòa với chất thi vị trữ tình lôi cuốn người đọc, đưa ta vào một thế giới hoang sơ, cổ tích

Với ngòi bút hào hoa, tinh tế không kém phần thơ mộng và đầy lãng mạn, Quang Dũng đã phác họa nên bức tranh những kỉ niệm đẹp đầy lung linh, huyền ảo và hình ảnh buổi chiều sương mang đậm sự lưu luyến, nhớ nhung da diết. Chất họa và nhạc trong thơ ca Quang Dũng được bộc lộ hết ở khổ thơ trên.

Tây Tiến quả là tác phẩm đề đời của nhà thơ Quang Dũng. Bài thơ vừa mang tính cách mạng lại còn đậm nét trữ tình nghệ thuật. Mang đến cho người đọc một thế giới khác của Tây Bắc, lung linh hơn, thơ mộng hơn đồng thời như cuốn nhật ký ghi lại những kỉ niệm đẹp nơi đây, chứa mãi trong miền ký ức, trong tim của tác giả.

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 12*

Trong tác phẩm “Tây Tiến”, Quang Dũng đã thể hiện những nỗi niềm, tình cảm của mình về vùng đất Tây Bắc – nơi mà đoàn binh Tây Tiến của ông đã có rất nhiều những kỉ niệm tươi đẹp với đất, với người. Ngay từ khi đọc những dòng thơ đầu của tác phẩm có lẽ người đọc đã thấy ấn tượng về thiên nhiên Tây Tiến với sự hùng vĩ, hoang sơ và có lúc thật dữ dội, nguy hiểm khiến bước chân của người lính cũng trở nên mỏi mệt, rã rời. Thế nhưng, đến khổ thơ thứ hai, những mỏi mệt, rã rời ấy như lùi ra xa nhường chỗ cho không khí tươi mới của một đêm liên hoan âm tình quân dân nhưng cũng chắt chứa những suy tư chính ở nơi doanh trại.

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Vẻ đẹp của bài thơ có thể thấy phần nào khi phân tích khổ 2 bài Tây Tiến, trong đó không thể không tìm hiểu những ý chính về tác giả, tác phẩm.

Quang Dũng (sinh năm 1922 – mất năm 1988) là người con của thủ đô Hà Nội. Tên thật của ông là Bùi Đình Diệm và ngay từ lúc còn là một chàng trai Hà thành đầy sức trẻ, ông đã nguyện cống hiến sức mình vào sự nghiệp cứu nước. Bên cạnh vai trò là một người lính hăng hái và nhiệt thành cách mạng, Quang Dũng còn được biết đến với nhiều năng khiếu đặc biệt như viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc,...

Chính những điều này đã củng cố thêm niềm tin của mọi người về sự tài hoa của nhà thơ – chiến sĩ Quang Dũng. Trong suốt quá trình phụng sự sức mình cho đất nước cũng như đến cuối đời, nhà thơ đã ghi lại những cảm xúc, tâm tư của mình lại thành những tác phẩm mang dấu ấn riêng, đó cũng đồng thời là những đóng góp rất đáng kể của ông cho nền văn học nước nhà.

Một số tác phẩm nổi bật của Quang Dũng cần kể đến như: “Rừng biển quê hương” (năm 1957), “Đường lên Châu Thuận” (năm 1964), “Rừng về xuôi” (năm 1968),

“Mây đầu ô” (năm 1986). Về sau, Quang Dũng được nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật nhờ sự thành công trong những sáng tác của mình.

Bài thơ “Tây Tiến” ban đầu có tên là “Nhớ Tây Tiến” và được in trong tập “Mây đầu ô”. Tác phẩm này được ra đời do Quang Dũng muốn ghi lại những kỉ niệm mà ông có được cùng đoàn binh Tây Tiến trong quá trình làm nhiệm vụ ở Tây Bắc. Binh đoàn của ông được thành lập vào năm 1947 và có tên là Tây Tiến, trong đó Quang Dũng là người đại đội trưởng.

Lực lượng chủ yếu của binh đoàn này là những thanh niên, học sinh của đất Hà thành và đảm nhiệm vai trò là những người sẽ bảo vệ biên giới Việt Lào trong thời kỳ miền Tây Bắc Bộ Việt Nam bị Pháp đánh chiếm cùng với vùng Thượng Lào. Khi đóng quân ở chiến địa này, đoàn binh đã phải đương đầu với rất nhiều những thử thách và trở ngại bởi nơi đây có địa hình rất hiểm trở, thiên nhiên hoang sơ và thời tiết cũng rất khắc nghiệt. Đường dốc, núi cao, vực thẳm, thú dữ, sốt rét,... là những thứ đe dọa đến sức khỏe và sinh mạng của Quang Dũng và những người đồng đội của mình tại nơi công tác...

Thế nhưng đối diện với những hiểm nguy nói trên, trong những dòng viết của Quang Dũng, người lính Tây Tiến vẫn hiên ngang, bất khuất, luôn giữ được tinh thần lạc quan, yêu đời và đặc biệt là họ đã có với nhau rất nhiều những kỉ niệm đẹp. Đến khi chuyển công tác, những kỉ niệm đó vẫn không một phút giây nào phai mờ trong tâm trí nhà thơ. Thế nên ông đã viết ra “Tây Tiến” để chính tác phẩm sẽ thay ông thổ lộ hết những niềm thương, nỗi nhớ dành cho đoàn binh một thời gắn bó của mình.

Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm hội cùng với sự thơ mộng của một vùng sông nước hòa quyện với sự xuất hiện của em... Tất cả đã tạo nên chất thơ rất riêng mà chỉ khi phân tích khổ 2 bài Tây Tiến ta mới có thể thấy rõ.

Mở đầu khổ thơ thứ hai, nhà thơ đã vẽ ra trước mắt người đọc khung cảnh của đêm liên hoan với ánh sáng rực rỡ:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa”*

Động từ “bừng lên” vốn là động từ mạnh khi kết hợp với hình ảnh “đuốc hoa” dường như đã thắp sáng cả doanh trại và còn lan tỏa ánh sáng ấy ra khắp không

gian tịch mịch, u tối của núi rừng Tây Bắc. Khi phân tích khổ 2 bài Tây Tiến, ta thấy hình ảnh “đuốc hoa” trước nay vẫn thường gợi đến niềm hạnh phúc lứa đôi. Và trong bài thơ, khi Quang Dũng sử dụng hình ảnh này chắc cũng có lẽ cũng là để diễn tả niềm hạnh phúc của người lính khi được sống hòa mình trong đêm liên hoan tại doanh trại công tác.

Lúc “đuốc hoa” bùng lên là khi hơi ấm đến với người lính và những giá lạnh được xua đi, cũng là chính là lúc người lính được gần gũi, gắn bó không chỉ với đồng đội mà còn với cả nhân dân, để dù xa nhà, xa quê họ vẫn có thể sống trong tình yêu thương, sự quan tâm của tình thân, bè bạn. Khi cảm nhận và phân tích khổ 2 bài Tây Tiến, ta thấy sự thật là giữa cuộc hành quân đầy gian lao và vất vả, thậm chí tinh thần họ lúc nào cũng phải trong tâm thế sẵn sàng đối diện với những mất mát và hiểm nguy. Thế nên những đêm liên hoan diễn ra như thế này đã góp phần tạo nên chút niềm vui, giúp họ giải tỏa những căng thẳng, cho họ sự động viên để họ lại có thể tiếp tục vững bước trên hành trình gian truân ở phía trước.

Không chỉ có sự xuất hiện của ánh sáng, ở những câu thơ tiếp theo, Quang Dũng còn gợi nên không khí tung bừng của đêm liên hoan và đặc biệt hơn là trong không khí tung bừng ấy lại có sự xuất hiện rất duyên dáng của “em”:

*“Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Góp vào sự lung linh, rực rỡ của ánh “đuốc hoa” là âm thanh hết sức sôi nổi, vui tươi của điệu khèn, tiếng nhạc. Không chỉ có vậy, hình ảnh những cô gái với xiêm áo lộng lẫy đang nhịp nhàng, “e ấp” trong những vũ điệu của miền sơn cước đã khiến cho đêm liên hoan thêm phần sống động, lôi cuốn. Phân tích khổ 2 bài Tây Tiến sẽ thấy cụm “kìa em” đứng ở vị trí đầu câu thơ gợi sự bất ngờ nhưng đầy thiện cảm của người lính khi nhìn thấy sự hiện diện của các cô gái bản làng với trang phục lộng lẫy đang hòa mình vào không khí rộn ràng, vui tươi của đêm liên hoan.

Chính sự xuất hiện của những cô gái trong khúc nhạc điệu vốn là hồn cốt của núi rừng Tây Bắc cùng với khung cảnh của đêm liên hoan đã tạo nên chất tình tứ, lãng mạn của cuộc liên hoan. Có ý kiến cho rằng câu thơ “nhạc về Viên Chăn xây hồn

thơ” như một lời gọi nhắc về địa điểm diễn ra đêm liên hoan ở vùng biên giới Việt – Lào vì địa bàn hoạt động của đoàn binh Tây Tiến không chỉ là ở khu vực Tây Bắc mà còn ở địa phận ở các tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng ở Lào.

Đó cũng là một ý kiến có căn cứ và xét thấy cho dù là cuộc liên hoan ấy diễn ra ở đâu đi chăng nữa thì điều tác giả muốn gửi gắm có lẽ vẫn là sự hòa hợp giữa con người và khung cảnh, đặc biệt là sự thân tình, triu mến của quân và dân. Có thể thấy, từ khi “em” xuất hiện cùng với những khúc nhạc của núi rừng thì giữa khung cảnh và con người, giữa quân và dân như không còn khoảng cách nữa.

Phân tích khổ 2 bài Tây Tiến, ta thấy cả cảnh vật và con người như hòa vào nhau để cùng ngây ngất, rạo rực trong sự tung bừng, sôi nổi của đêm liên hoan. Không khí của “hội đuốc hoa” ấy càng diễn ra tung bừng, nhộn nhịp bao nhiêu thì tình cảm, cảm xúc của nhà thơ lại càng trào dâng mãnh liệt bấy nhiêu để rồi những cảm xúc ấy được chắp thêm đôi cánh và hóa thành những vần thơ diễn tả rất uyển chuyển và nhịp nhàng. Không đơn thuần là những con chữ, người đọc như nhìn thấy cả ánh sáng, nghe được âm thanh và cảm nhận được vẻ đẹp cuốn hút đầy sức sống của những người con gái của núi rừng.

Khi không khí của đêm liên hoan vẫn chưa hết nhộn nhịp thì trong lòng tác giả lại có cảm giác như được gọi về những kỉ niệm tươi đẹp của buổi chiều sương Châu Mộc:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Hình ảnh con người hiện hữu ở câu thơ đi kèm cùng những câu hỏi đầy tha thiết. Nhân vật trữ tình luôn băn khoăn “người đi Châu Mộc chiều sương ấy” liệu rằng “có thấy” và “có nhớ” những vẻ đẹp thật thơ mộng, nên thơ của “hồn lau”, “dáng người trên độc mộc” và cả “dòng nước lũ” có những cánh hoa đong đưa. Phân tích khổ 2 bài Tây Tiến để thấy trong làn sương chiều hôm người đi, cảnh vật như nhòe mờ, mờ lung nhưng phải chăng chính vì thế mà nó trở nên có hồn hơn, ấn tượng hơn.

Những bông lau phát phơ trên bờ bên phải chẳng đã tạo nên cái hồn cho bến bờ hay hồn của cảnh là sự hóa thân của chính tâm hồn nhà thơ để mỗi một ngọn lau, một cánh hoa cũng mang những nỗi niềm, tâm trạng. Chính những điều này đã biến những sự vật vốn vô tri như cũng có riêng đời sống của nó. Thêm vào đó, sự gợi nhắc về dáng người mảnh mai, duyên dáng trên chiếc thuyền độc mộc xinh xinh đã khiến cho bức tranh về cảnh và người hiện lên với sự khỏe khoắn, rắn rỏi bên cạnh cái vẻ huyền ảo, mơ màng của miền cổ tích xa xưa...

Phân tích khổ 2 bài Tây Tiến, ta thấy có lẽ, những nghi vấn về việc người đi “có thấy”, “có nhớ” giờ đây đồng thời cũng là lời khẳng định rằng những hình ảnh về cảnh vật và con người chốn này mãi mãi sẽ khắc ghi trong lòng tác giả cũng như những người lính nói chung. Chính vì “thấy” và “nhớ” rõ mồn một từng chi tiết, đường nét của cả người và cảnh nên ước hỏi cũng thực chất là bày tỏ nỗi lòng và một khi phải rời xa chốn thân thương thì chắc hẳn trong lòng sẽ chất chứa nỗi nhớ menh mang, sâu lắng và sức ám ảnh khôn nguôi về cảnh ấy và người ấy.

Về nội dung, bài thơ “Tây Tiến” giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của một bức tranh có sự kết hợp hài hòa giữa cảnh và người. Trên phong nền hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng rất trữ tình, lãng mạn của thiên nhiên là hình ảnh của người lính Tây Tiến hội tụ biết bao những phẩm chất đáng trân trọng. Người đọc không chỉ thấy được sự kiên cường, gan góc trên bước đường hành quân, sự bất khuất, dũng cảm trước ngưỡng cửa sinh – tử ở họ mà còn cảm nhận được nét trẻ trung, sôi nổi, chất hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn những người lính trẻ Hà thành.

Về nghệ thuật, bài thơ “Tây Tiến” đã thành công trong việc kết hợp hài hòa giữa bút pháp hiện thực và bút pháp lãng mạn. Không chỉ vậy, đọc thơ Quang Dũng ta còn thấy được bên cạnh những vần thơ đầy chất trữ tình là những câu đậm sắc thái bi tráng. Đó là những sự kết hợp khéo léo và đã góp phần diễn tả được cảm xúc, nỗi niềm khi thì tha thiết bồi hồi, lúc lại trang nghiêm, bi hùng của một nhà thơ luôn đau đáu về tháng ngày gắn bó cùng đồng đội.

Qua khổ thơ thứ hai, người đọc cảm nhận được sự tài hoa của tác giả bởi nét bút của ông vừa sinh động, biến ảo trong những câu về đêm hội núi rừng và cũng vừa tinh tế, mềm mại ở đoạn viết về thiên nhiên. Chính sự tài hoa đó đã giúp cái đẹp

thấm thiết, đậm đà của tình quân dân và vẻ đẹp thơ mộng, mơ màng của thiên nhiên hiện hữu trước mắt người đọc một cách rõ ràng đầy ấn tượng.

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 13*

Trong vườn hoa của thơ ca kháng chiến chống Pháp, bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng - nở ra từ một tâm hồn phóng khoáng, hồn hậu, hào hoa, một ngòi bút tinh tế và lãng mạn - được coi là bông hoa đầu mùa vừa đẹp vừa lạ. Bài thơ không chỉ khắc họa thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, hiểm trở hay những gian khó trập trùng nơi núi cao vực sâu mà bên cạnh đó, ta cũng có cơ hội được cảm nhận bức tranh thiên nhiên gợi cảm, nên thơ cùng những giờ phút liên hoan tung bừng, lãng mạn giữa những tháng năm khói lửa hào hùng. Và 8 câu thơ ở khổ thơ thứ hai là những vần thơ đã khắc họa rõ nhất vẻ đẹp lãng mạn ấy.

Nếu đoạn thơ đầu tiên của Tây Tiến mở ra trước mắt người đọc không gian hùng vĩ, hiểm trở của núi rừng Tây Bắc thì với 8 câu thơ tiếp theo của khổ thơ thứ hai, bạn đọc sẽ được hòa mình vào không gian tung bừng của buổi liên hoan doanh trại và sự lãng mạn, nên thơ của chiều sương Châu Mộc.

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ"*

Chữ "bừng" như một nét vẽ có thần, nó làm cho không gian như sáng bừng lên trong âm thanh, trong ánh lửa bập bùng và trong hơi ấm của tình quân dân cá nước. Trong không gian ấy, người lính Tây Tiến phải ngạc nhiên đầy tình tứ, mà thốt lên hai tiếng "kìa em". Giây phút này đây họ nhưng rũ bỏ tất cả mọi gian truân, mệt mỏi được cùng hòa mình theo giai điệu của những bản nhạc nơi rừng núi, để sống trọn vẹn, trẻ trung, tận hưởng niềm vui với một tâm hồn lãng mạn.

*"Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ"*

Ban đầu là "em" tiếp đến là "nàng" rồi sau lại là "em". Từ cách sử dụng ấy ta cảm nhận được em như một nàng tiên kiều diễm và ta như lạc vào cõi thần tiên với không khí mê say đến ngây ngất. Chính trong không khí của âm nhạc, vũ điệu ấy đã chấp cánh cho tâm hồn những người lính Tây Tiến thực sự ngây ngất trước người và cảnh. Là một người nghệ sĩ đa tài, không chỉ làm thơ mà Quang Dũng còn viết nhạc, vẽ tranh,... chính điều đó đã khiến cho ngòi bút của Quang Dũng trở

nên tài hoa, sống động hơn bao giờ hết. Trong thi có nhạc, có họa, từng nét vẽ, từng âm thanh, từng ánh lửa bập bùng cùng tiếng nhạc dân tộc dập dìu vui tươi tưởng như hiện lên thật hữu hình trước mắt, vang lên thật hữu thanh bên tai, để chính lòng ta cũng phải rạo rực mà hoà theo không khí rộn ràng ấy. Bốn câu thơ không chỉ khắc họa chân thực và lãng mạn buổi liên hoan doanh trại nơi vùng cao mà còn làm hiện lên tâm hồn trẻ trung, hào hoa của những người lính Tây Tiến, họ anh dũng, họ phi thường nhưng cũng có những giờ phút, những cảm xúc hết sức đời thường. Không chỉ thế, đoạn thơ còn làm nổi bật tình quân dân cá nước âm nồng, dõi theo, tiếp thêm sức mạnh cho những chiến sĩ trên chiến trường gian lao, khó khăn.

*"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có nhớ hồn lau nẻo bến bờ  
Có thấy dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"*

Thì ra không chỉ có những "độc lên khúc khuỷu độc thăm thẳm", hay "ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống" mà thiên nhiên miền cao Tây Bắc cũng có những nét đẹp hoang sơ, thơ mộng như vậy. 4 câu thơ với những nét chấm phá, tả ít mà gợi nhiều như vẽ nên một bức tranh thiên nhiên quá đỗi nên thơ, quyến rũ. Chiều sương gợi mở một không gian huyền bí, cái thực cái mộng của một cõi trời nước Tây Bắc bằng lãng sương nhuốm một màu cổ tích Đại từ phiếm chỉ "ấy" càng làm cho khoảng thời gian trở nên mơ hồ không xác thực, thế nhưng nó lại rất rõ ràng, rất gợi, rất đáng nhớ trong ký ức của nhà thơ. Hình ảnh "lau" hiện lên không phải là một bông, một nhánh, một bờ, mà là "hồn lau", dường như chẳng có một hình dung cụ thể nào, mà ta chỉ có thể cảm nhận ở đâu đây một chuyển động nhẹ nhàng, gợi cảm. Giữa không gian ấy, hình ảnh con thuyền độc mộc hiện lên làm cho bức tranh thiên nhiên cũng mang một vẻ trầm tĩnh như một bức tranh thủy mặc với những nét chấm phá tế vi, mờ ảo như hư vô, hư thực mà lại thơ mộng đến lạ lùng. Một lần nữa hình ảnh hoa lại xuất hiện trong bài thơ. Tính từ "đong đưa" gợi lên một chuyển động nhẹ nhàng, tinh tế của bông hoa, như đang làm dáng làm duyên giữa dòng nước lũ đang dữ dội cuộn trào. Thật là một vẻ đẹp nguyên sơ, thanh khiết và gợi cảm đến nao lòng.

Bằng ngòi bút tài hoa hữu nhạc, hữu họa, kết hợp với những bút pháp miêu tả độc đáo, Quang Dũng đã khắc họa thành công bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp thơ mộng của Tây Bắc và những dấu ấn vui tươi của một thời chiến đấu bên đồng đội. Cũng chính đoạn thơ đã thể hiện rõ nét nhất cảm hứng lãng mạn, tâm hồn hào hoa và chất lãng tử của nhà thơ "xứ Đoài mây trắng". 8 câu thơ đã góp một phần không nhỏ vào thành công của tác phẩm nói riêng và văn thơ cách mạng nói chung, để Tây Tiến trở thành một bông hoa mãi tươi xanh trong dòng chảy của thời gian.

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 14*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã góp thêm vào những trang vàng của lịch sử dân tộc. Đã có rất nhiều tác phẩm nghệ thuật hình thành từ đề tài này. Nền thơ ca giai đoạn này mang đậm tinh thần yêu nước. Phải chăng vì thế mà đây là giai đoạn văn học có nhiều thành công. Tây Tiến của Quang Dũng là một trong những tác phẩm như vậy.

Hình ảnh của những người lính quả cảm, kiên cường, ngày đêm chiến đấu bảo vệ đất nước vừa hào hùng vừa hào hoa đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong lòng người đọc. Đặc biệt là đoạn 2 của bài thơ:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Quang Dũng (1921-1988) là người làng Phượng Trì, Đan Phượng, Hà Tây nhưng ông chủ yếu sống ở Hà Nội. Ông là một nghệ sĩ đa tài với nhiều thể loại thơ ca, nhạc, họa nhưng thơ ca là đỉnh cao nhất của ông. Ông là một trong số những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám. Thơ ông thể hiện được tâm hồn nhạy cảm và đậm chất lãng mạn. Trong thơ còn cho thấy khả năng cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp của thiên nhiên và tình người.

Tây Tiến được sáng tác khi nhà thơ rời xa đơn vị Tây Tiến của mình một thời gian “Đoàn quân Tây Tiến sau một thời gian hoạt động ở Lào trở về thành lập trung đoàn 52. Đại đội trưởng Quang Dũng ở đó đến cuối 1948 rồi được chuyển sang đơn vị khác. Red xà đơn vị cũ chưa bao lâu, ngồi ở Phù Lưu Chanh, anh viết bài thơ Tây Tiến”, (Lời kể của ông Trần Lê Văn – bạn thân của Quang Dũng). Chính vì vậy mà bài thơ được viết dưới lăng kính của những hoài niệm với tâm trạng nhớ da diết, chơi vơi.

Đơn vị Tây Tiến được thành lập vào năm 1947 với mục đích phối hợp với bộ đội nước Lào nhằm bảo vệ biên giới Lào – Việt, nhằm đánh tiêu hao địch tại Thượng Lào để hỗ trợ cho cuộc kháng chiến tại những vùng núi rừng khác trên đất Lào.

Địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng lớn. Bao gồm khu vực vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam và khu vực Thượng Lào: từ Châu Mai, Châu Mộc sang đến Sầm Nứa rồi vòng về miền tây Thanh Hóa. Những nơi này rất hoang vu và hiểm trở với núi cao, sông sâu, rừng núi có nhiều thú dữ. Người lính Tây Tiến hầu hết là những thanh niên, trai tráng Thủ đô, gồm nhiều tầng lớp khác nhau, trong đó có cả học sinh, sinh viên.

Qua phân tích đoạn 2 bài thơ Tây tiến từ những câu thơ đầu, Tây Tiến mở ra trước mắt người đọc một không gian hùng vĩ, hiểm trở đầy nguy hiểm của núi rừng Tây Bắc. Trong tám câu thơ tiếp của đoạn thơ thứ hai, người đọc sẽ được hòa mình vào trong không gian tung bồng của đêm liên hoan văn nghệ tại doanh trại với sự lãng mạn, nên thơ của chiều sương chôn Châu Mộc:

Bức tranh lãng mạn của đêm văn nghệ thắm đậm tình quân dân, “quân với dân như cá với nước” được thể hiện thông qua bốn câu đầu tiên của đoạn thơ:

*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ".*

Nổi nhớ từ "Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói/ Mai Châu mùa em thơm nếp xôi", tác giả bỗng nhớ đến "hội đuốc hoa" khi doanh trại bừng lên vào đêm văn nghệ thắm thiết tình quân dân. Đuốc hoa vốn là cây nến thắp lên trong phòng vào đêm tân

hôn. Bỗng nhớ đến Truyện Kiều có câu: "Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa" (dòng 3096).

Từ hình ảnh trên, Quang Dũng đã sáng tạo thành "hội đuốc hoa" để nhớ về đêm liên hoan văn nghệ, đêm đốt lửa trại giữa các cán bộ chiến sĩ của đoàn binh Tây Tiến với những người dân đồng bào của các bản mường. "Bùng" là động từ mạnh hiện lên nhằm vừa chỉ ánh lửa, ánh đuốc sáng rực, vừa là để tả âm thanh của tiếng cười nói, tiếng hát, tiếng khèn vang lên trong đêm hội.

Chữ "kia" là đại từ dùng để chỉ một đối tượng nào đó từ phía xa; trong hoàn cảnh này ta có thể thấy sự ngạc nhiên, niềm vui thích, tình tứ của những người lính trẻ Tây Tiến khi nhìn thấy các "em", các "nàng" đến dự trong bộ xiêm áo lộng lẫy, xinh đẹp. Hình ảnh "nàng e ấp" là một trong những nét vẽ tài hoa và vô cùng có hồn đã gợi tả nên vẻ đẹp duyên dáng và kín đáo, tình tứ và tinh tế của những nàng thiếu nữ miền Tây.

Ánh lửa, tiếng hát, tiếng khèn, màu xiêm áo rực rỡ, vẻ đẹp kiều diễm của các "em", các "nàng" như đã "xây hồn thơ" trong những chàng lính trẻ. Những con người trẻ chung, xinh đẹp, hào hoa và đa tình; còn ngòi bút của thi nhân thì lại rất tài hoa và lãng mạn.

Thông qua hội đuốc hoa khi phân tích đoạn 2 bài thơ Tây Tiến, ta thấy ngày càng thấy đời sống tinh thần phong phú của đoàn binh Tây Tiến tại chiến trường miền Tây gian khổ.

Viết tiếp đoạn thơ là bốn câu thơ tiếp theo trong dòng hồi tưởng "trôi" về miền đất lạ - Châu Mộc thuộc tỉnh Sơn La - nơi có nhiều bãi cỏ rộng bát ngát, mênh mông, nơi này có dãy Pha Luông cao 1880m, nơi đó có bản Pha Luông sầm uất của người Thái. Quang Dũng là người lính với tâm hồn thi sĩ đã khai phá ra biết bao nhiêu vẻ đẹp kì thú của nơi Châu Mộc. Năm tháng cứ thế trôi qua, chỉ còn lại bao nhiêu kỉ niệm, cảnh vật và con người của miền đất lạ ấy đã trở thành một mảnh tâm hồn của bao người:

*"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ"*

*Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa".*

"Chiều sương ấy" là buổi chiều đầy sương trắng đang phủ mờ khắp núi rừng tại chiến khu vào buổi chiều thu hôm ấy in sâu đậm vào trong hồn người; tất cả bây giờ chỉ còn là: "khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ khi ta đi đất lạ hóa tâm hồn" (Chế Lan Viên). "Hồn lau" ở đây là hồn mùa thu. Hoa lau nở trắng như những lá cờ, những bông lau đung đưa theo gió tạo nên tiếng kêu xào xạc trong gió thu nơi bờ sông bờ suối.

Với tâm hồn tài hoa, Quang Dũng cảm nhận về vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên Châu Mộc thông qua cảnh sắc "chiều sương" và "hồn lau nẻo bến bờ". Những thi liệu ấy đã tạo nên những vẻ đẹp cổ điển trong bức tranh suối rừng nơi đây. Thấp thoáng đằng sau những vần thơ "Tây Tiến" là những câu cổ thi trong các bài thơ thời xưa:

*"Sương đầu núi buổi chiều như đội,  
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu..."  
(Đặng Trần Lâm - Đoàn Thị Điểm)*

hay:

*"Ngàn lau cười trong nắng  
Hồn của mùa thu về  
Hồn mùa thu sắp đi  
Ngàn lau xào xạc trắng".  
(Chế Lan Viên)*

Phân tích đoạn 2 Tây Tiến ở trên, ta thấy điệp ngữ "có thấy" và "có nhớ" là tác giả đang hoài niệm về những kỉ niệm về chiều sương Châu Mộc cổ thêm phần man mác, băng khuâng. Họ nhớ cảnh rồi đến nhớ đến người. Những dòng hồi tưởng của thi sĩ qua cảnh sắc và con người nơi suối rừng miền Tây, tại nơi cao nguyên Châu Mộc được thể hiện lên một cách tuyệt đẹp với bút pháp vô cùng tài hoa và những hồn thơ lãng mạn.

Núi rừng Tây Bắc là chốn "rừng thiêng nước độc" vô cùng hoang vu, hẻo lánh và chất chứa nhiều hiểm nguy. Thế nhưng, với tâm hồn vô cùng lạc quan và yêu đời, niềm tin vào một tương lai tươi sáng của một thời đại mới đã được khai phá với

biết bao nhiêu vẻ đẹp thơ mộng và xinh tươi của cảnh sắc thiên nhiên và con người nơi Tây Bắc.

Những hoài niệm về chiến trường và núi rừng nơi đây như được chắt lọc từng chi tiết nhỏ trong tâm hồn thi sĩ.

Đoạn thơ với bút pháp chấm phá mềm mại và uyển chuyển, ngôn ngữ đậm chất thơ, chất nhạc. Ta có thể thấy được cuối mỗi câu thơ đều kết thúc bằng vần trắc đã tạo nên nhạc điệu của bài thơ. Bên cạnh đó với thể thơ thất ngôn và nhịp thơ 4/3, giọng điệu phù hợp với cảm xúc qua từng câu chữ. Cùng với việc sử dụng khéo léo những câu hỏi tu từ đã làm cho bức tranh đêm văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây hiện lên vô cùng chi tiết là thơ mộng.

Tóm lại, có thể nói phân tích đoạn 2 Tây Tiến đã cho ta để lại những ấn tượng khó quên trong lòng người đọc bởi những nét lãng mạn hiện lên giữa hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh. Há chẳng bài thơ đã cùng góp lên tiếng nói độc đáo vào những bài thơ kháng chiến viết về người lính thời kỳ chống Pháp. Những bài thơ ấy đã cùng làm nên một bức tượng đài to lớn về những người chiến sĩ vừa hào hùng vừa hào hoa. Nó đã gieo vào lòng người đọc những tình cảm yêu thương, tình quân dân thắm thiết, tinh thần đoàn kết của nhân dân ta....

### *Phân tích đoạn 2 Tây Tiến - Mẫu 15*

Quang Dũng là một hồn thơ lãng mạn, tài hoa, là nhà thơ của xứ Đoài mây trắng, là nghệ sĩ của những vần thơ giàu chất nhạc, chất họa. “Tây Tiến” là thi phẩm nổi tiếng nhất của ông, được bao nhiêu thế hệ bạn đọc yêu mến. Cảm xúc bao trùm bài thơ là nỗi nhớ trải theo những cung đường dài dẫu mà mỹ lệ nơi đoàn binh Tây Tiến đã đi qua và để lại bao kỉ niệm đẹp. Có những kỉ niệm thật dữ dội nhưng cũng có những kỉ niệm thật êm đềm. Kỉ niệm êm đềm ấy giúp ta cảm nhận rõ hơn vẻ đẹp lãng mạn của những người lính Tây Tiến thuở nào:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy*

*Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Bài thơ được sáng tác tại Phù Lưu Chanh vào cuối năm 1948- một năm sau khi Quang Dũng rời đoàn binh Tây Tiến. Nỗi nhớ thương những người đồng chí đồng đội cùng những tháng năm gắn bó với đoàn quân đã thôi thúc nhà thơ cầm bút ghi lại những cảm xúc chân thật, tự nhiên, mãnh liệt, dâng trào.

Tây Tiến là một cuộc trường chinh vô cùng gian khổ. Nhưng vượt lên mọi khó khăn, tâm hồn người lính Tây Tiến vẫn đầy chất lãng mạn và không phai đi cái dáng vẻ của người nghệ sĩ hào hoa. Sau chặng đường dài hành quân gian khổ, những người lính mang trong mình tâm hồn nghệ sĩ ấy đã hòa nhập vào sinh hoạt bình dị mà đầy chất thơ cùng nhân dân trên những nẻo đường hành quân. Không có chất nghệ sĩ bẩm sinh của chàng trai đất Thăng Long nghìn năm văn hiến sẽ không có những giờ phút thăng hoa theo tiếng khèn, theo những vũ điệu của đêm hội đuốc hoa.

Vẻ đẹp lãng mạn của người lính Tây Tiến trước hết thể hiện ở tâm hồn mộng mơ, đa tình khi đắm mình trong không khí của đêm liên hoan văn nghệ: “Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa”

Chỉ một từ “bừng” trong câu thơ mà nói lên được cả một cảm xúc dào dạt, phấn chấn. Đây chỉ là ánh sáng của ngọn lửa hồng lên, mà đó là sự bừng sáng trong tâm hồn, đó là niềm vui rạng rỡ. Cảnh được miêu tả lại là cảnh hội trường từ quá khứ nên “bừng” còn là bừng thức cả một vùng kỷ niệm. Trong cái nhìn lãng mạn của người lính, đêm liên hoan văn nghệ trở thành “đêm hội đuốc hoa”. “Đuốc” trước hết là những bó lửa đuốc được thắp lên trong đêm liên hoan. “Đuốc hoa” là hình ảnh đẹp vừa tươi sáng, rực rỡ, ấm áp, vừa lung linh ảo huyền thơ mộng, đó là cái tình, cái ý của những chàng trai trẻ tuổi trẻ lòng. “Đuốc hoa” từ hán còn là hoa chúc, xa xôi gọi về lễ hợp cẩn lứa đôi. Vậy là tình quân dân cả nước cũng say đắm, rạo rức như tình lứa đôi buổi đầu gặp mặt. Quả là một sự liên tưởng táo bạo, thú vị và đầy bất ngờ. Đêm hội vừa đông đúc, vừa đông vui, vừa có vẻ tung bừng náo nhiệt của những đêm hội trai gái mở hội lòng.

Đang say sưa trong đêm hội liên hoan, người lính phải thốt lên: “Kìa em xiêm áo tụi bao giờ”

“Xiêm áo” là từ Hán Việt đủ để Quang Dũng diễn tả sự rực rỡ, lộng lẫy của người con gái vùng sơn cước vừa như từ trang truyện cổ bước ra, vừa như từ trang đời bước lại. Từ “kìa” bật lên bộc lộ cả một niềm thích thú, một sự say mê ngỡ ngàng, một cái nhìn đắm mê ngưỡng vọng trước vẻ đẹp đầy quyến rũ. Sự hóm hỉnh trẻ trung của người lính đã được thể hiện một cách đầy tinh tế như thế. Cảnh quá khứ mà sống động như thực tại chứng tỏ những kí ức về Tây Tiến trong lòng tác giả nguyên vẹn không một chút phai nhạt.

*“Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Viết về nhạc nên câu thơ của Quang Dũng cũng đầy chất nhạc. Một thứ nhạc êm ái dịu dặt khiến hồn ta lâng lâng bay bổng. Thứ nhạc ấy được tạo nên nhờ sự hòa phối thanh điệu tài tình với thanh bằng là chủ yếu. Nhưng đó còn là một thứ nhạc đặc biệt khác ở ngoài lời, là nhạc tâm hồn của những anh lính trẻ mộng mơ. “Hồn thơ” đã biến người lính thành thi sĩ, còn “nàng thơ” - cảm hứng của những thi sĩ hào hoa đó là những sơn nữ vùng sơn cước duyên dáng yêu kiều trong tiếng khèn “man điệu” quyến rũ gọi mời.

Người chiến binh ra đi chiến đấu với một tâm hồn nghệ sĩ. Họ cầm súng chiến đấu là vì hoàn cảnh không thể khác được, còn về bản chất, họ thật sự là nghệ sĩ. Anh hùng mà nghệ sĩ, gian khổ mà vẫn hào hoa, đó là những nét cơ bản trong tính cách con người Việt Nam mà những chàng trai Hà Nội mang trong mình rất đậm. Phút chốc bao nhiêu gian khổ nhọc nhằn dọc đường hành quân được gột sạch để chỉ còn tràn ngập trong hồn người chiến binh Tây Tiến niềm băng khuâng xao xuyến và những rung động đầy chất thơ.

Từ đêm lửa trại, Quang Dũng đột ngột chuyển cảnh về một miền sông nước Tây Bắc đầy chất thơ:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Chất nhạc, chất họa như được nhân lên trong những vần thơ sâu lắng gợi khung cảnh Châu Mộc chiều sương. Nơi đoàn quân Tây Tiến đi qua, có những khung cảnh cực kỳ dữ dội, vất vả, có những cảnh thật thơ mộng trữ tình. Có những buổi chiều oai linh thác gầm thét, có những lúc sương lấp đoàn quân mỏi nhưng cũng có những Châu Mộc chiều sương đẹp bằng lăng, mơ hồ. Nỗi nhớ Châu Mộc được gắn với không gian thời gian cụ thể. Thời gian là “chiều”- khoảng thời gian gợi nỗi nhớ, gợi khát khao sum họp. Độc đáo trong câu thơ là đại từ “ấy”, một từ vô danh về ngữ pháp nhưng hữu tình về ngữ nghĩa. Tô Hữu đã dùng từ “ấy” để ghi lại thời khắc đáng nhớ:

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ”*

Hay trong thơ Thế Lữ:

*“Buổi ấy lòng ta nghe tiếng bạn  
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên”*

Hai tiếng “chiều sương” kết hợp với đại từ phiếm định “ấy” vừa làm tăng thêm vẻ xa vắng băng khuâng, vừa khiến buổi chiều sương Châu Mộc hiện ra rõ ràng, không lẫn vào muôn buổi chiều vô danh khác của loài người.

Trong nỗi nhớ về Châu Mộc, hình ảnh ngàn lau bỗng trở nên có hồn:

*“Có thấy hồn lau nẻo bến bờ”*

Câu thơ Quang Dũng gợi nhớ đến những vần thơ nổi tiếng trong bài “Lau biên giới” của nhà thơ Chế Lan Viên:

*“Ai lên biên giới cho lòng ta theo với  
Thăm ngàn lau chỉ trắng có một mình  
Bạt ngàn trắng ở tận cùng bờ cõi  
Suốt một đời cùng với gió giao tranh”*

Nếu “lau” trong thơ Chế Lan Viên chủ yếu thiên về ấn tượng thị giác thì trong thơ Quang Dũng lại nghiêng về những cảm nhận từ tâm hồn. Miêu tả hoa lau, Quang Dũng viết “hồn lau” chứ không phải bờ lau hay triền lau. Bởi nếu như vậy thì chỉ tả hình sắc, còn “hồn lau” hiện lên cả tâm hồn, linh hồn của Tây Bắc đại ngàn. Lau không còn vô tri vô cảm nữa, nó làm thành hồn riêng của chiều sương Châu Mộc.

Tâm tình của con người không chỉ gửi vào hồn lau nẻo bến bờ mà còn trong những hình ảnh duyên dáng đáng yêu của con người: “Có nhớ dáng người trên độc mộc”

Trên cái nền huyền ảo của sương và lau trắng, nổi bật lên dáng người lom khom trên con thuyền độc mộc. Đó là cái dáng của những cô lái đò người Mèo, người Thái, cái dáng mềm mại duyên dáng thật hợp với con thuyền độc mộc, hợp với bức tranh có sự hài hòa từ màu sắc đến đường nét. Một lần nữa, Quang Dũng lại bật lên câu hỏi “có nhớ” làm câu thơ càng thêm da diết, băng khuâng.

Khép lại nỗi nhớ về buổi chiều sương Châu Mộc là một hình ảnh vô cùng ấn tượng:

*“Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

“Hoa” ở đây trước hết là hiện thực, là hoa rừng vì Tây Bắc là xứ sở của các loài hoa: hoa đào, hoa mơ, “bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù núi khói Mèo đốt nương xuân”. Miêu tả hoa, tác giả chọn “đong đưa” chứ không phải “đung đưa” vì “đung đưa” chỉ gợi lên chuyển động cơ học, có tính chất vật lý, còn “đong đưa” gợi bao nhiêu tình tứ, gợi mời. Đến cả bông hoa rừng trên dòng nước lũ cũng không vô tình bởi nó được nhìn bằng cặp mắt đa tình và mơ mộng của anh lính Tây Tiến. Nhưng bước vào thơ ca nói chung, thơ Quang Dũng nói riêng thì hoa muôn đời là ẩn dụ cho cái đẹp, cho người con gái. Bóng hoa là bóng người con gái trên thuyền soi xuống dòng nước, đong đưa tình tứ nhưng vẫn kín đáo, duyên dáng. Như vậy, cái tình tứ của cảnh suy cho cùng là do người ngắm cảnh.

Như vậy, qua những kỉ niệm êm đềm, ngọt ngào về đêm liên hoan văn nghệ và cảnh Châu Mộc chiều sương, ta càng cảm nhận rõ hơn vẻ đẹp lãng mạn của người lính Tây Tiến: mộng mơ, đa tình, giàu rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, con người, trong hiện thực nhiều gian khó, khốc liệt, họ luôn mơ về những điều tốt đẹp, về ngày mai chiến thắng. Chất nhạc, chất họa, chất thơ đã hòa vào nhau, làm nên những vần thơ tuyệt đẹp. Đoạn thơ đã góp phần làm nên thành công của cả bài thơ, đưa “Tây Tiến” xứng đáng với vị trí là một trong những tác phẩm mở đầu xuất sắc của nền thơ cách mạng Việt Nam.

Gấp lại đoạn thơ đầy chất lãng mạn trữ tình, độc giả cảm nhận được những kỉ niệm thời chiến cũng có lúc không vương khói bụi chiến trường, không thấy bóng dáng

của sự khốc liệt, của hiện thực nghiệt ngã. Nhà thơ đã giúp chúng ta hiểu rằng: chiến trường đâu chỉ có thiếu thốn, gian khổ với bao mất mát, hy sinh?

### *Phân tích đoạn 2 bài Tây Tiến - Mẫu 16*

Quang Dũng tên khai sinh là Bùi Đình Diệm (1921-1988). Là nhà thơ với một hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu và tài hoa. Trong thơ Quang Dũng thường kết hợp hiện thực và chất men say lãng mạn tại nên nét độc đáo trong thơ ông. Chính vì vậy ông được mệnh danh là nhà thơ của “xứ Đoài mây trắng”. Trong sự nghiệp sáng tác của mình Quang Dũng để lại nhiều bài thơ có giá trị trong đó phải kể đến “Tây Tiến”. Bài thơ không chỉ khắc họa thành công bức chân dung người lính Tây Tiến mà còn là vẻ đẹp thiên nhiên và con người nơi vùng núi Tây Bắc được thể hiện rõ nét qua đoạn thơ:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

.....

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Bài thơ “Tây Tiến” ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt. Tây Tiến là một đơn vị quân đội được thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt –Lào, đồng thời đánh tiêu hao lực lượng địch. Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên, học sinh, trí thức Hà Nội, chiến đấu trong những hoàn cảnh gian khổ nhưng họ sống rất lạc quan và chiến đấu rất dũng cảm. Quang Dũng là đại đội trưởng ở đơn vị Tây Tiến, cuối năm 1948 khi rời đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh, Quang Dũng viết bài thơ “Nhớ Tây Tiến”. Khi in lại, tác giả đổi tên bài thơ là “Tây Tiến”.

Nếu như khổ thơ thứ nhất Quang Dũng đưa người đọc đến với những nét vẽ gân guốc của con đường hành quân đầy gian khổ thì đoạn thơ thứ hai này nhà thơ đưa người đọc đến với một mỹ cảm đặc biệt. Đó là những vẻ đẹp mềm mại, tinh tế, tài hoa tạo nên vẻ đẹp nên thơ giữa núi rừng Tây Bắc. Một bức tranh thơ đầy lãng mạn nhưng không kém phần bí ẩn của con người nơi vùng núi Tây Bắc này:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp*

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Bốn câu thơ mang đến cho người đọc không khí hội hè rộn ràng vui vẻ, một cái nhìn chiêm ngưỡng, say sưa mà đa tình của người lính Tây Tiến trước vẻ đẹp của người phương xa nơi xứ lạ. Là lễ hội nên thật nhiều ánh sáng bùng lên, lan tỏa “hội đuốc hoa”. Ánh sáng của xiêm áo lộng lẫy sáng bùng lên trong sự bất ngờ, sự ngỡ ngàng của những người lính Tây Tiến:

*“Kìa em xiêm áo tự bao giờ”*

“Kìa em” là tiếng reo ẩn chứa cả niềm hạnh phúc của những người lính Tây Tiến khi dáng hình người con gái mềm mại, duyên dáng của miền sơn cước Tây Bắc hiện ra e ấp trong điệu khèn đặc trưng của vùng núi nơi đây. Câu thơ mang theo cả cái nhìn lãng mạn của người lính Tây Tiến trong một hiện thực khắc nghiệt mà người lính vừa trải qua. Ánh sáng nơi doanh trại đã trở thành “hội đuốc hoa”- biểu tượng của hạnh phúc tạo thành niềm vui của đêm giao duyên, của niềm hạnh phúc như dành cho những cặp tình nhân trong đêm tân hôn. Để rồi người con gái “xiêm áo” như bước ra từ huyền thoại ấy trở thành động lực để những người lính Tây Tiến:

*“Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Những người lính Tây Tiến hòa mình say sưa cùng, điệu nhảy, âm điệu của những bản nhạc Tây Bắc như dìu dắt tâm hồn những chàng trai Tây Tiến để rồi họ-những chàng trai mới chỉ mười tám đôi mươi của mảnh đất Hà Thành ra đi vì tiếng gọi của non sông đất nước đã mang theo cả giấc mơ với những chân trời chưa tới về một giấc mộng ngọt ngào “xây hồn thơ”. Phải chăng đó chính là giấc mộng của lập chiến công, là cái nhìn vượt qua biên giới, là ước mơ khát vọng cho sự bình yên. Tâm hồn những người lính Tây Tiến như có một phút giây thăng hoa để mọi cảm giác mệt mỏi như đang lùi xa, những vất vả, mệt mỏi và cả sự hi sinh như được đẩy lùi nhường chỗ cho lòng người, cho khát vọng và lí tưởng. Theo như lời Quang Dũng kể lại: “Đêm chuẩn bị vượt sông Mã để sang đánh địch ở đôn Mai Hạ, đội vũ trang tuyên truyền Lào-Việt tổ chức liên hoan, uống rượu cần và múa lăm vông”. Những đêm liên hoan như vậy phải chăng đã thăng hoa cho hồn thơ Quang Dũng để tạo nên một nét vẽ mềm mại. Cũng chính nhờ những phút giây như thế mà những người lính Tây Tiến được tiếp thêm sức mạnh để bước tiếp con đường hành quân ở phía trước.

Bằng bút pháp tài hoa, lãng mạn, thi trung hữu nhạc, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp giàu bản sắc văn hoá, phong tục của đồng bào vùng biên giới cùng tình cảm quân dân thắm thiết và tâm hồn lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống của người lính Tây Tiến.

Không chỉ thể hiện vẻ đẹp tình quân dân mà nhà thơ còn thể hiện vẻ đẹp của con người và cảnh vật miền Tây Bắc trong chiều sương trên sông nước Châu Mộc:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Thời gian và không gian trên dòng sông, cảnh vật Châu Mộc hiện lên thật mờ ảo, thơ mộng nhuốm màu sắc cổ tích, huyền thoại. Thời gian chia tay là một buổi “chiều sương ấy”. Đó là cái chiều sương trong cái nhìn hoài niệm của người trong cuộc, tất cả trở nên thật mờ ảo, như một miền ký ức thắm sâu vừa nhạt nhòa vừa xa thẳm. Không chỉ vậy chữ “ấy” không xác định, không biết là chiều sương nào và chỉ có người trong cuộc, chỉ có những chàng trai Tây Tiến mới hiểu rõ đó là chiều sương ào và ý nghĩa ra sao trong lòng những chàng trai Hà Thành.

Đoạn thơ chỉ phác họa đôi nét vẽ nhưng cũng đủ để đánh thức, gợi cảm nhận trong lòng người đọc:

*“Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc”*

Nhà thơ gợi nhắc bằng những điệp từ “có nhớ”, “có thấy” như để chạm khắc, để hỏi chính mình đầy băng khuâng, lưu luyến. Cảnh trong thơ tĩnh lặng, buồn nhưng vô cùng thi vị. nỗi lòng của con người như được gửi trong nỗi niềm xôn xao “hồn lau nẻo bến bờ”, những bông lau hai bên ven đường mà đoàn quân Tây Tiến đi qua dường như cũng có hồn, với việc sử dụng biện pháp nhân hóa đã gợi cảm giác mênh mông, xa vắng. Câu thơ gợi lên nhiều cách hiểu, có thể trong buổi chia tay ấy tâm hồn của những người lính Tây Tiến như nhuốm lên cảnh vật, gieo hồn mình vào những bông lau. Cũng có thể hiểu theo cách khác, cả cuộc đời người lính Tây Tiến luôn gắn liền với hoa lau Tây Bắc nay rời xa nỗi nhớ trở nên băng khuâng và lưu luyến.

Không gian nên thơ ấy như làm nền cho hình ảnh con người xuất hiện. Đây là vẻ đẹp đặc trưng trong thơ ca hiện đại, con người luôn là điểm hội tụ của bức tranh thơ “Có nhớ dáng người trên độc mộc”. Đây là hình ảnh mềm mại, uyển chuyển của những cô gái Thái trên con thuyền độc mộc đang chèo thuyền vượt qua sông. Nhưng người đọc cũng có thể cảm nhận một hình ảnh khác, đó chính là sự kiêu dũng của những chàng trai Tây Tiến đang chèo đò vượt thác tiến về phía trước chiến đấu với kẻ thù.

Đến với câu thơ cuối người đọc ấn tượng với sự đối lập:

*“Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Đó là sự đối lập giữa một bên là “dòng nước lũ” như muốn cuộn xoáy, cuốn trôi trong cái dữ dội, cuộn trào của thiên nhiên còn một bên là cảnh hoa mềm mại đang đong đưa “hoa đong đưa”. Tạo cảm giác thiên nhiên như đang hòa hợp với con người, hòa trong cảm xúc của con người. Không phải là cánh hoa trôi nổi trước dòng nước lũ mà đó là cảm giác như cánh hoa đang làm duyên, đong đưa theo chiều gió. Dáng hoa ấy như hòa cùng trong dáng người trên con thuyền độc mộc làm nên một bức họa thật lãng mạn nhưng không kém phần hào hùng.

Qua đoạn thơ trên Quang Dũng không chỉ thể hiện thành công nội dung mà còn thành công với các biện pháp nghệ thuật như cảm hứng lãng mạn, bi tráng. Sử dụng ngôn từ đặc sắc về địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt, kết hợp hài hòa chất nhạc và họa thơ.

Đoạn thơ trên trong bài thơ Tây Tiến mang đến cho người đọc xúc cảm băng khuâng, những dòng thơ mềm mại trong không gian lãng mạn hòa cùng nỗi nhớ của những con người lạc quan, lãng mạn và hào hoa. Hình ảnh ấy sẽ đọng lại trong tâm trí người đọc mọi thế hệ như một điểm sáng về những người lính trong kháng chiến chống Pháp được Quang Dũng thể hiện chân thực đầy xúc cảm.

### *Phân tích đoạn 2 bài Tây Tiến - Mẫu 17*

Với hồn thơ phóng khoáng, lãng mạn và tài hoa, Quang Dũng đã cho ra đời tác phẩm Tây Tiến năm 1948. Là một nghệ sĩ đa tài, bài thơ Tây Tiến được ông phát huy khả năng hội họa, soạn nhạc, điện ảnh. Vì thế mà bài thơ có sức cuốn hút vô cùng mạnh mẽ đối với người đọc. Phải chia tay binh đoàn Tây Tiến do nhiệm vụ

công tác, Quang Dũng nhớ lại những kỷ niệm về binh đoàn tại nơi dừng chân là miền Tây ở đoạn thơ thứ hai:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

.....

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập năm 1947 có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào. Hoạt động cùng binh đoàn gần hai năm, cuối năm 1948 Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác; vì thế cảm xúc chủ đạo toàn bài thơ là nỗi nhớ da diết. Ông nhớ về chôn dừng chân tại miền Tây với những kỷ niệm ngọt ngào thấm thiết ân tình. Tại “doanh trại” nơi đóng quân của binh đoàn đang diễn ra hội đuốc hoa.

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

Với động từ “bừng lên”, tác giả nhấn mạnh ánh sáng đột ngột xuất hiện trong không gian đêm hội. Đó là ánh sáng của những ngọn đuốc bập bùng trong không khí rộn ràng. Đó cũng có thể là ánh sáng kì diệu hân hoan trong ánh mắt, trong tâm hồn của những người lính Tây Tiến; là thứ ánh sáng rực rỡ, tinh tú, mang đầy yêu thương, ấm áp tình dân quân.

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

Như một tiếng reo vui ngỡ ngàng, trêu mến khi các cô gái vùng cao xuất hiện trong trang phục truyền thống của dân tộc mình. Những cô gái ấy càng đẹp hơn khi tiếng khèn, điệu múa được bắt đầu. Những điệu nhạc lạ của tiếng khèn man điệu uyển chuyển mê hoặc lòng người đến lạ lùng. Họ hòa cùng không khí đêm hội và thu hút bởi vẻ đẹp nữ tính, thẹn thùng e ấp. Để rồi Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ, cùng không khí âm nhạc, những điệu múa uyển chuyển, thứ ánh sáng kì diệu, những chàng trai Hà Nội thả hồn phiêu du hương về Viên Chăn với niềm thương mến và tinh thần đầy trách nhiệm.

Cuộc hội ngộ nào rồi cũng đến phút chia tay; buổi chia tay trên sông nước miền Tây chiều ấy là kỷ niệm đầy luyến lưu. Ta thấy hiện ra không gian bảng lảng đầy khói sương đặc trưng của miền Tây Bắc mang lại cảm giác buồn da diết.

*Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*

*Có nhớ dáng người trên độc mộc*

Sử dụng phép điệp với cấu trúc câu hỏi tu từ “có thấy”, “có nhớ”, Quang Dũng như luyến láy, khắc chạm vào lòng người nỗi nhớ về thiên nhiên (hồn lau) và con người (dáng người). Với biện pháp nhân hóa, cây lau được tạo bởi muôn hạt nhỏ li ti nên chỉ chút gió nhẹ cũng làm bờ lau mềm mại cùng xao động. Lau che kín mọi lối đi: neo bến bờ. Cái tinh khôi của lau, cái trắng mờ ảo của sương bông bênh khiến rừng núi, sông nước miền Tây vừa hoang dại vừa hư ảo, nên thơ, pha chút yếu tố tâm linh. Hình ảnh con người cũng không thể thiếu trong khung cảnh đầy thơ mộng này;

### *Có nhớ dáng người trên độc mộc*

Đó có thể là dáng những cô gái Thái, Mèo uyển chuyển mềm mại cầm lái đưa thuyền chở các chiến sĩ vượt sông. Đó cũng có thể là hình ảnh những chiến sĩ rắn rỏi, kiêu dũng vượt thác, vượt mọi hiểm nguy của địa hình. Quang Dũng sử dụng nghệ thuật đảo ngữ và phép đối lập trong câu thơ cuối của khổ hai như lời tạm biệt. Ông vẽ lên một thiên nhiên dữ dội vùng thác nhưng trên đó lại có những bông hoa nhẹ nhàng “đong đưa” tình tứ quyến luyến như cái vẫy tay từ biệt cô gái sơn nữ miền Tây với người lính chiến trường.

Ngòi bút của Quang Dũng không chỉ miêu tả mà còn gợi, cảnh vật như có hồn thiêng của núi rừng, đậm màu sắc cổ tích giống như nét vẽ hư ảo trên bức tranh sông nước miền Tây. Bức tranh ấy mang đậm dấu ấn của một tâm hồn nhạy cảm, tình tứ lãng mạn, tài hoa, vô cùng yêu mến gắn bó với mảnh đất nơi đây.

Bằng ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị, hồn thơ mang đậm chất lãng mạn, hào hoa, Quang Dũng đã để lại dấu ấn đẹp về thơ ca kháng chiến mà thành công là sự hòa hợp kì diệu giữa thiên nhiên và con người miền Tây ở khổ thơ thứ hai của bài thơ. Cái đẹp mỹ lệ, thơ mộng đầy chất nhạc, chất họa, chất mơ mộng của từng nét vẽ. Nét bút của Quang Dũng đã tạo nên một thế giới của cái đẹp, cái ân tình yêu thương, ấm áp giữa quân và dân vùng Tây Bắc.

### *Phân tích đoạn 2 bài Tây Tiến - Mẫu 18*

Bài thơ này ông sáng tác vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh. Tác giả lấy cảm hứng sau sự kiện ông rời đơn vị cũ. Vì nhớ đồng đội, nhớ những kỷ niệm vào sinh ra tử, nhớ những chặng đường hành quân cùng nhau, Quang Dũng đã bắt giắc gửi gắm

qua “Tây Tiến”. Cảm xúc riêng của nhà thơ nhưng cũng chính là xúc cảm chung của một thế hệ trẻ anh hùng:

Đoạn 2 đầy đủ như sau:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ.  
Khèn lên man điệu nàng e ấp,  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy,  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ?  
Có nhớ dáng người trên độc mộc,  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa?”*

Tây Tiến thực chất là tên của đoàn quân mà Quang Dũng tham gia, được thành lập năm 1947. Quân đoàn này có nhiệm vụ chiến đấu ở vùng Tây Bắc với đa số là thanh niên tri thức ra đi từ Hà Nội. Toàn bộ tác phẩm được thể hiện với bút pháp lãng mạn kết hợp hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu sáng tạo, sinh động đã bộc lộ sự nhớ nhung da diết của Quang Dũng về đồng đội, về sự mỹ lệ, hùng vĩ của núi rừng. Dường như, mọi kết tinh của hồn thơ Quang Dũng đã được lắng đọng lại trong tám câu thơ phác họa cảnh liên hoan ban đêm cùng gái bản và nét mộng mơ, độc mộc trên những con sông miền Tây. Quả thực, dấu ấn âm nhạc và hội họa được tác giả khắc họa nổi bật qua các kỷ niệm đẹp và buổi phân li.

Đoạn 2 Tây Tiến, người đọc như đang được tham gia vào đêm liên hoan thắm đượm tình quân và dân nơi sông nước miền Tây thơ mộng.

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu, nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

Bên cạnh những gian khổ nơi rừng thiêng nước độc, trong ký ức của nhà thơ Quang Dũng còn có cả thứ ánh sáng hội hè của những đêm cùng nhân dân vui chơi liên hoan. Nhà thơ khéo léo dùng từ “bừng lên” kết hợp với hình ảnh sinh động “đuốc hoa” đã làm nổi bật lên không khí tung bừng, sôi nổi của đêm lửa trại. Cả doanh trại khi ấy bỗng bừng sáng lên, lấp lánh như ánh pháo hoa lúc hòa bình. Đó

cũng là lúc lời ca tiếng hát của dân bản cũng như các chiến sĩ reo vang và hòa làm một. Câu hỏi cảm thán “kia em xiêm áo tự bao giờ” thốt lên bộc lộ sự bất ngờ, ngạc nhiên đến vui sướng của những chiến sĩ đoàn quân Tây Tiến.

Đã thật lâu lắm rồi, từ khi xa Hà Nội chiến đấu, đoàn lính Tây Tiến mới lại thấy các cô gái tươi trẻ. Mà hôm nay các cô còn lộng lẫy xiêm y truyền thống mang hình bóng của núi rừng nên các anh càng thích thú. Dường như, qua đây tác giả muốn khẳng định, các cô gái Tây Bắc ấy chính là trung tâm, là linh hồn của đêm hội. Sự e thẹn, mềm mại tình tứ, duyên dáng hiện rõ qua nét mặt, nụ cười và điệu múa của các cô.

Nhưng tất cả cái sự e ấp ấy lại hút hồn hút vía các chàng trai đến từ miền đồng bằng. Không dừng lại ở đó, tác giả còn mang vào đêm hội tiếng khèn réo rắt, rạo rục, khiến cảnh vật lẫn con người như bốc men say. Thiên nhiên, con người hòa quyện vào nhau như muốn “xây hồn thơ” trong trẻo, lãng mạn. Không khí của đêm liên hoan còn ngây ngất hơn bởi tiếng khèn rạo rục, réo rắt khiến cho cả con người, cảnh vật như bốc men say, trở nên phong phú, sinh động như muốn “xây hồn thơ” lãng mạn. Có thể nói, 4 câu thơ như phần nào thể hiện sự tinh tế, hồn hoa. Đó cũng chính là tâm hồn hào hoa, tinh tế của nhà thơ Quang Dũng.

Nếu 4 câu thơ trước, tác giả vẽ nên bức tranh ban đêm ở miền núi rừng Tây Bắc sôi động trong ánh lửa trại bập bùng thì 4 câu thơ sau lại đưa người đọc đến bức tranh về dòng sông miền sơn cước. Bức tranh ấy gợi lên một xúc cảm thật mờ ảo, mênh mang:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.”*

Khi phân tích đoạn 2 Tây Tiến này, các bạn không khó nhận ra ngòi bút của nhà thơ không phải tả chi tiết mà chỉ gợi mở. Tác giả sử dụng một loạt những hình ảnh mờ ảo như “chiều sương ấy”, “hồn lau”, “nẻo bến bờ”, “hoa đong đưa” kết hợp với cách hỏi cảm thán không cần lời đáp như “có thấy”, “có nhớ”... Điều đó đã vẽ ra trước mắt độc giả một khung cảnh miền Tây thật nên thơ và ảo mộng. Những màn sương của thiên nhiên đang giăng mắc khắp nẻo không gian, hai bến bờ mang

dáng vẻ hoang dại, lặng lẽ. Thế rồi, khi người chiến sĩ đang đắm mình trong cảnh đẹp đó thì trên sông bỗng xuất hiện dáng người uyển chuyển, nhẹ nhàng của cô gái Thái. Cô gái đang chèo thuyền độc mộc. Cảnh tượng ấy sao giống như những bông hoa của núi rừng đang làm duyên làm dáng trên dòng nước. Con người và cảnh vật hòa hợp vào nhau, tạo nên sự thiêng liêng của tạo hóa, khiến núi rừng miền Tây đậm chất huyền thoại và cổ tích.

Qua những nét vẽ hư ảo của nhà thơ Quang Dũng, người đọc có cảm tưởng như đang ngắm nhìn một bức tranh sơn thủy hữu tình. Bao quanh bức tranh là cảnh núi rừng trùng điệp, giữa bức tranh là cảnh sông nước đan xen với cảnh liên hoan tình quân dân rộn ràng. Nếu không có một tâm hồn lãng mạn, một trái tim nhạy cảm biết yêu thương, một trí tuệ tài hoa, tinh tế, thì tác giả khó lòng tạo nên một tác phẩm đặc sắc như vậy. Ngôn từ của ông có thể ghi dấu ấn trong lòng người đọc, bởi đó chính là cảm xúc, là sự rung động thật sự của tác giả. Đó là tình cảm chân thật, xuất phát từ trái tim trước vẻ đẹp thiên nhiên miền Tây cũng như nỗi nhớ đồng đội. Đi chiến trận, cuộc sống luôn treo đầu ngọn súng, việc tâm hồn được vui tươi, được có giây phút bình yên thấm đượm tình người như thế thật đáng quý. Có lẽ vì mỗi giây phút như vậy đều hiếm hoi nên nhà thơ mới xúc động đến thế, mới khéo léo vẽ nên bức tranh bằng lời như vậy!

Như vậy, tám câu thơ ở đoạn hai hoàn toàn không mang tới sự hy sinh chết chóc. Nó hoàn toàn là bức tranh thiên nhiên và con người miền Tây đầy kiêu diễm và xinh đẹp. Chất họa, chất nhạc, sự mộng mơ của hồn người hòa hợp vào nhau tạo nên một tác phẩm thật hoàn hảo. Từng nét vẽ tranh bằng con chữ của nhà thơ thật uyển chuyển và độc đáo. Đó cũng chính là sự lãng mạn và tài hoa trong tâm hồn nhà thơ xứ Đoài này.